**TUẦN 7– Lớp 4A**

Thứ hai ngày 21 tháng 10 năm 2024

**Buổi sáng:**

Tiết 1: HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

**Tiết 1: Sinh hoạt dưới cờ. Chào mừng ngày Phụ nữ Việt Nam 20-10**

***Phần I:*** Sinh hoạt dưới cờ: Đoàn – Đội tổ chức

***Phần II:****Sinh hoạt theo chủ đề:*Chào mừng ngày Phụ nữ Việt Nam 20-10

**I. Yêu cầu cần đạt**

**1. Kiến thức:** *Sau tiết học này, HS sẽ:*

- Hiểu về sự ra đời và ý nghĩa của ngày Phụ nữ Việt Nam 20 - 10.

- Tự tin tham gia biểu diễn văn nghệ hoặc cổ vũ các bạn biểu diễn*.*

- Nhận diện được khả năng điều chỉnh cảm xúc và suy nghĩ của bản thân trong một số tình huống đơn giản.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

*-Năng lực giao tiếp, hợp tác:* khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.

*- Năng lực tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.

*- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

***Năng lực riêng:***

-Cùng chơi *Thể hiện cảm xúc.*Chia sẻ cảm xúc của em.

**3. Phẩm chất**

*- Tự tin, trách nhiệm:* tự tin thể hiện và điều chỉnh cảm xúc của bản thân,có ý thức tự giác; tinh thần trách nhiệm trong hoạt động nhóm.

**II. Đồ dùng dạy học:**

-Giấy, bút, bút màu, thẻ để thể hiện cảm xúc của bản thân trên lớp.

**III.Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của gv** | **Hoạt động của hs** |
| - Lớp tổ chức buổi lễ chào mừng Ngày phụ nữ Việt Nam 20 - 10 gồm nội dung chính sau:  + Giới thiệuvề sự ra đời và ý nghĩa ngày 20 - 10.  + Tổ chức cho HS trong lớp biểu diễn các tiết mục văn nghệ chào mừng Ngày phụ nữ Việt Nam 20 – 10.  + Mời 1 số HS chia sẻ cảm xúc và niềm tự hào về điều phi thường mà phụ nữ Việt Nam đã làm.  + GV tổ chức cho đại diện HS nói lời chúc mừng những người phụ nữ nhân ngày Phụ nữ Việt Nam 20 – 10. | - HS lắng nghe và tham gia buổi lễ.  - HS lắng nghe và vỗ tay.  - HS biểu diễn các tiết mục văn nghệ chào mừng Ngày phụ nữ Việt Nam 20 – 10.  - HS chia sẻ cảm xúc và niềm tự hào của bản thân.  - HS nói lời chúc mừng những người phụ nữ nhân ngày Phụ nữ Việt Nam 20 – 10. |

**Điều chỉnh - Bổ sung**

………………………………………………………………………………………………...

………………………………..……………………………………………………………….

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tiết 2: TOÁN

**Hai đường thẳng vuông góc. Vẽ hai đường thẳng vuông góc (Tiết 1)**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Năng lực đặc thù**:

- Nhận biết được hai đường thẳng vuông góc.

- Kiểm tra được hai đường thẳng vuông góc với nhau bằng ê ke.

**2.Năng lực chung**:

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: HS biết trao đổi, thảo luận với giáo viên và bạn bè vể những kiến thức, cách làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.HS có kĩ năng dùng ê ke.

**3. Phẩm chất**:

- Chăm chỉ: Chăm học, ham học, có tinh thần tự học.

- Trung thực: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ học tập.

- Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú, say mê các con số để giải quyết bài toán.

**II. Đồ dùng dạy học**: Ê ke, thước kẻ thẳng.

**III.Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Hoạt động mở đầu** | |
| - GV chiếu hình ảnh góc vuông, góc nhọn, góc tù, góc bẹt.  Đố em biết đây là góc gì?  Để đo góc, người ta thường dùng loại thước nào?  - GV chiếu sơ đồ bãi đỗ xe.  - Yêu cầu HS chỉ ra các đường kẻ ngang dọc.  Các đường kẻ ngang, dọc có tác dụng gì?  Các đường kẻ ngang, dọc tạo thành những góc như thế nào?  -GV tổng kết, khen ngợi HS nhanh nhất, trả lời nhiều câu đúng nhất.  - GV dẫn dắt HS vào bài học: | **Hoạt động cả lớp**  - Cả lớp quan sát, chú ý lắng nghe và thực hiện theo yêu cầu.  - HS: Góc vuông, góc nhọn, góc tù, góc bẹt  - Để đo góc, người ta thường dùng thước đo góc.  - Để đỗ ô tô cho gọn gàng, dễ lấy.  - Các đường kẻ ngang, dọc tạo thành những góc vuông. |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới** | |
| - Từ 1 góc vuông đỉnh O cạnh OB, OC có ở HOẠT ĐỘNG mở đầu, GV vẽ kéo dài hai cạnh góc vuông được hai đường thẳng AB và CD căt nhau tại điểm O. (Như SGK)  - GV yêu cầu HS dùng thước đo góc để đo các góc đỉnh O cạnh OA, OB, … và nhận xét độ lớn các góc đó.  - GV giới thiệu: AB và CD là hai đường thẳng vuông góc. GV viết kí hiệu góc vuông.  Nêu nhận xét của em về hai đường thẳng AB và CD?  **Kết luận**: *Hai đường thẳng vuông góc với nhau tạo thành 4 góc vuông.* | **Hoạt động nhóm 4**  - Cả lớp quan sát, chú ý lắng nghe.  - HS thực hành lại trên giấy trên giấy theo nhóm.  - Nhóm trưởng báo cáo:  + Cả 4 góc đều là góc vuông.  - HS nêu và chỉ: Đường thẳng AB vuông góc với đường thẳng CD và tạo ra 4 góc vuông.  - HS nêu kết luận. |
| **3. Hoạt động thực hành, luyện tập.** | |
| **Bài 1:** Chỉ ra các cặp đường thẳng vuông góc với nhau  - Gọi HS nêu yêu cầu của bài.  - Yêu cầu HS quan sát và nêu tên các cặp đường thẳng vuông góc với nhau và không vuông góc với nhau.  - Làm sao em biết được hai đường thẳng vuông góc với nhau, hai đưởng thẳng không vuông góc với nhau? | **Hoạt động cá nhân**  - 2 HS nêu  - HS quan sát, dùng ê ke kiểm tra. HS nêu kết quả:  + Cặp đường thẳng vuông góc với nhau là PQ và RS, CD và EG.  + Cặp đường thẳng không vuông góc với nhau là MN và IK.  - Em dùng ê ke để kiểm tra. |
| **Bài 2:** Gọi tên các cặp cạnh vuông góc với nhau  - Yêu cầu HS làm việc theo nhóm đôi.  - Yêu cầu HS quan sát và nêu tên các cặp cạnh vuông góc với nhau có trong mỗi hình.  Làm sao em biết được hai cạnh đó vuông góc với nhau? | **Hoạt động nhóm đôi**  - HS trao đổi nhóm đôi, xác định các cặp cạnh vuông góc với nhau, dùng ê ke để kiểm tra.  - 2 nhóm báo cáo trước lớp, HS nhóm khác nhận xét, kết luận:  + Cặp cạnh góc với nhau là AB và BC, BC và CD, CD và DA, DA và AB, MN và NK, NK và KQ, KQ và QM, QM và MN, NK và KP |
| **Bài 3:**  - GV chiếu lược đồ một số đường phố ở Hà Nội.  Hai đường phố nào vuông góc với nhau?  Bạn Chi muốn đi ra Hồ Gươm thì có thể đi theo đường nào?  - Từ nhà đến trường em đi theo đường nào? Có đảm bảo ATGT không?  Em biết những con đường nào vuông góc với nhau?  **Kết luận**: Hai đường thẳng vuông góc tạo thành 4 góc vuông. Ta có thể kiểm tra hai đường thẳng có vuông góc với nhau hay không bằng thước đo góc hoặc ê ke. | **Hoạt động nhóm 4**  - HS trao đổi nhóm 4, liệt kê các đường phố vuông góc có trong sơ đồ. Xác định vị trí của bạn Chi, tìm các cách bạn Chi có thể đi ra Hồ Gươm.  - Đại diện 2 nhóm báo cáo. Nhóm khác nhận xét.  - HS tự liên hệ. |
| **4. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:** | |
| Bài 4: Yêu cầu HS chỉ ra hai đường thẳng vuông góc với nhau trong lớp học, trong khuôn viên trường,… | **Hoạt động cả lớp**  - HS quan sát và nêu: Hai cạnh liên tiếp của bảng lớp. Đường chỉ kẻ ngang, dọc của các viên gạch lát nền nhà, …. |
| **5. Đánh giá, tổng kết, định hướng hoạt động học tập tiếp theo**.  - Qua bài học này, em biết thêm được điều gì?  -Nhận xét tiết học.  - Dặn HS chuẩn bị bài 21 (Tiết 2): Vẽ hai đường thẳng vuông góc | -HS TL: Biết được hai đường thẳng vuông góc với nhau tạo thành 4 góc vuông. |

**Điều chỉnh - Bổ sung**

……………………………………………………………………………………………….

………………………………..……………………………………………………………...

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

TiÕt 3**:** CÔNG NGHỆ

Giáo viên chuyên so¹n d¹y

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

TiÕt 4**:**TIN HỌC

Giáo viên chuyên so¹n d¹y

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Buổi chiều:**

Tiết 1 + 2: TIẾNG VIỆT

**Chia sẻ và bài đọc 1: Những thư viện đặc biệt**

## Chia sẻ về chủ điểm: Kho báu của em *(10 phút)*

**1. Trò chơi: Thảo luận nhóm**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| - GV mời 3 HS tiếp nối nhau đọc câu hỏi và gợi ý câu hỏi, cả lớp đọc thầm theo:  *+ Câu 1. Em hiểu kho báu là gì?*  *a) Là nơi chứa rất nhiều của cải.*  *b) Là nơi rất bí mật.*  *c) Là nơi rất khó tìm.*  *+ Câu 2. Kể tên một vài câu chuyện về kho báu mà em đã được đọc hoặc được nghe.*  *(M): Cây khế, A-li Ba-ba và bốn mươi tên cướp,...*  *+ Câu 3. Theo em, vì sao sách cũng là kho báu? Kho báu ấy quý giá như thế nào?*  *a) Của cải ở kho báu ấy là gì?*  *b) Vì sao có thể nói của cải ở kho báu ấy là vô tận?*  *c) Của cải thu được từ kho báu ấy giúp con người những gì?*  - GV theo dõi, giải đáp thắc mắc của HS, nhận xét và đánh giá hoạt động.  **2. Báo cáo kết quả thảo luận nhóm**  - GV mời 1 – 2 HS trả lời câu hỏi, có thể tổ chức cho HS thực hiện bằng trò chơi phỏng vấn.  - GV mời HS nhận xét, bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá hoạt động và chốt đáp án.  - GV giới thiệu chủ điểm: *Kho báu của em* | - HS đọc to, rõ ràng yêu cầu bài tập trước lớp.  - HS thảo luận nhóm đôi.  - HS trả lời câu hỏi.  - HS lắng nghe, tiếp thu và chỉnh sửa bài. |

**B. Bài đọc 1: Những thư viện đặc biệt**

**I. Yêu cầu cần đạt**

**1. Năng lực đặc thù.**

- Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài.

- Phát âm đúng các từ ngữ có âm, vần, thanh mà HS địa phương dễ viết sai.

- Ngắt nghỉ hơi đúng. Ngắt nghỉ hơi đúng theo các dấu câu và theo nghĩa. Thể hiện được tình cảm, cảm xúc phù hợp với nội dung bài đọc. Tốc độ đọc khoảng 75 – 80 tiếng / phút. Đọc thầm nhanh lớp 3.

- Hiểu nghĩa của các từ ngữ trong bài, biết tên các thành phố và các nước trong bài. Trả lời được các câu hỏi về nội dung bài.

- Hiểu được ý nghĩa của bài đọc: giới thiệu một số thư viện đặc biệt, qua đó phản ánh sự quan tâm đến nhu cầu đọc sách của người dân cũng như của thiếu nhi ở Việt Nam và các nước khác nhau.

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung**

- Phát triển NL giao tiếp và hợp tác (biết cùng các bạn thảo luận nhóm).

- NL tự chủ, tự học: lắng nghe, đọc bài và trả lời các câu hỏi. Nêu được nội dung bài. Biết quý trọng sách, có ý thức sử dụng thư viện.

**3. Góp phần phát triển các phẩm chất.**

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ đọc bài, trả lời câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Học tập nghiêm túc.

**II. Đồ dùng dạy học:**

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. Các hoạt động dạy học:**

**TIẾT 1**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động mở đầu.** | |  |
| - GV chiếu hình ảnh và nêu câu hỏi:  + Đây là phòng nào?  + Em thích nhất điều gì ở thư viện?  - GV: Thư viện trường mình thật đẹp phải không nào? Và trên thế giới có rất nhiêu thư viện đặc biệt. Để biết những thư viện đó đặc biệt như thế nào? Cô trò mình cùng tìm hiểu trong bài đọc ngày hôm nay: Những thư viện đặc biệt. | | - HS quan sát bức ảnh  + Đây là thư viện  + Em thích những kệ sách được sắp xếp ngăn ngắn,..  - HS lắng nghe |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức** | | | |
| **\* Hoạt động 1: Đọc thành tiếng.**  - GV đọc mẫu: Giọng đọc khoan thai như kể chuyện. Nhấn giọng, gây ấn tượng ở những từ ngữ nói về những điểm đặc biệt của mỗi thư viện: (những thư viện) cổ, 5000 năm; (thư viện) lớn nhất, 18 triệu (cuốn sách); 125 (thứ tiếng), 54 triệu (bản thảo); (thư viện) thiếu nhi,…  - Gọi 1 HS đọc toàn bài.  - GV chia đoạn: ( 3 đoạn)  + Đoạn 1: Những thư viện cổ  + Đoạn 2: Thư viện lớn nhất  + Đoạn 3: Thư viện thiếu nhi  - GV gọi HS đọc nối tiếp đoạn.  - Luyện đọc từ khó: *Ba-bi-lon; A-lếch-xan-đri-a,…*- Luyện đọc câu: *Một trong những thư viện nổi tiếng nhất thời cổ là Thư viện A-lếch-xan-đri-a ở Ai Cập , xây dựng cách đây hơn 2 000 năm.*  *- Giải nghĩa từ: Ba-bi-lon, Ai Cập.*  + Chia sẻ hiểu biết của em về Ai Cập.  *-* Luyện đọc đoạn: GV tổ chức cho HS luyện đọc theo nhóm 3.  - Các nhóm thi đọc. GV nhận xét các nhóm. | | - HS lắng nghe.  - 1 HS đọc toàn bài.  - HS quan sát  - HS đọc nối tiếp theo khổ thơ.  - HS đọc từ khó.  - 2-3 HS đọc câu.  - HS luyện đọc theo nhóm 4. |
| **Tiết 2** | | | |
| **\* Hoạt động 2: Đọc hiểu.**  - GV tổ chức trò chơi “Ô cửa bí mật”  Câu 1: Những thư viện cổ nói lên điều gì về nền văn minh của loài người?  Câu 2: Người ta có thể đọc và xem những gì ở Thư viện Quốc hội Mỹ?  Câu 3: Thông tin và hình ảnh về thư viện thiếu nhi ở Thư viện Quốc gia Việt Nam nói lên điều gì?  Câu 4: Qua bài đọc, em thấy các tài liệu và hoạt động ở thư viện hiện nay đã phát triển như thế nào so với những thư viện đầu tiên?  Câu 5: Em mong muốn điều gì ở thư viện trường em?  Câu 6: Kể tên các thư viện trên thế giới mà em biết?  - GV mời các nhóm nhận xét sau mỗi câu trả lời và nêu ý kiến của mình.  - GV khen ngợi những ý kiến hay và chân thực. | - HS trả lời lần lượt các câu hỏi:  + Những thư viện cổ cho thấy loài người đã biết đến giá trị của sách và xây thư viện để giữ sách, đọc sách từ hơn 5000 năm trước.  + Ở thư viện Quốc hội Mỹ, người ta có thể đọc sách và các bản thảo viết tay, xem phim, nghe nhạc, xem bản đò và các bản vẽ,…  + Thông tin và hình ảnh về thư viện thiếu nhi ở Thư viện Quốc gia Việt Nam cho thấy Nhà nước rất quan tâm đến thiếu nhi, tạo điều kiện thuận lợi để thiếu nhi học tập ở thư viện.  + Thư viện đầu tiên chỉ lưu giữ những mảnh xương khắc chữ. Thư viện Quốc hội Mỹ có sách, bản đồ, bản nhạc, bản vẽ, phim,… Ở thư viện thiếu nhi thuộc Thư viện Quốc gia Việt Nam, trẻ em có thể đọc sách, xem phim, nghe nhạc, trải nghiệm các loại nhạc cụ, sử dụng máy tính để học ngoại ngữ và làm toán,…)  + Em mong thư viện có nhiều sách hơn/rộng rãi hơn/,…  + HS tự kể  - Nối tiếp nhận xét  - HS lắng nghe | |
| **3. Hoạt động luyện tập, thực hành**- **Đọc nâng cao** | | | |
| * - GV hướng dẫn HS nghỉ hơi đúng ở những câu văn dài, nhấn giọng từ ngữ quan trọng và thể hiện tình cảm, cảm xúc phù hợp khi đọc.   + Thư viện có hơn 18 triệu cuốn sách / được viết bằng 125 thứ tiếng, / hơn 54 triệu / bản thảo viết tay / và hàng triệu bản đồ, / bản nhạc, / bản vẽ, / phim,…  *+ Đây là nơi / trẻ em có thể đọc sách, / xem phim, / nghe nhạc, / trải nghiệm các loại nhạc cụ, / sử dụng máy tính/ để học ngoại ngữ và làm toán,…*   * HS luyện đọc theo nhóm. * Các nhóm thi đọc.   - GV mời các nhóm nhận xét.  - GV nhận xét tuyên dương. | | - Nghe + luyện đọc  - Đại diện các nhóm nhận xét.  - Các nhóm thi đọc.  - Các nhóm nhận xét | |
| **4. Hoạt động vận dung, trải nghiệm.** | | | |
| **-** GV tổ chức cho HS tham quan thư viện trường; chọn cuốn sách em yêu thích và đọc.  - GV hỏi HS: Điều em thích nhất trong cuốn sách đã đọc là gì?  **5. Đánh giá, tổng kết và định hướng hoạt động học tập tiếp theo**  - GV nhận xét tiết học, khen ngợi, biểu dương những HS tốt.  - Nhắc nhở HS: Chuẩn bị bài: nói và nghe: trao đổi chăm học, chăm làm | | - HS tham quan thư viện  - HS chia sẻ  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm. | |

**Điều chỉnh - Bổ sung**

………………………………………………………………………………………………...

………………………………..……………………………………………………….............

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tiết 3: TOÁN (T)

**Ôn hai đ­ường thẳng vuông góc**

**I. Yêu cầu cần đạt**

**1. Năng lực đặc thù**:

- Nhận biết được hai đường thẳng vuông góc.

- Kiểm tra được hai đường thẳng vuông góc với nhau bằng ê ke.

**2.Năng lực chung**:

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: HS biết trao đổi, thảo luận với giáo viên và bạn bè vể những kiến thức, cách làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.HS có kĩ năng dùng ê ke.

**3. Phẩm chất**:

- Chăm chỉ: Chăm học, ham học, có tinh thần tự học;

- Trung thực: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ học tập.

- Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú, say mê các con số để giải quyết bài toán.

**II. Đồ dùng dạy học**: Ê ke, thước kẻ thẳng.

**III.Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| **1. Hoạt động mở đầu:**  - Hai đ­ường thẳng vuông góc có đặc điểm gì?  - Giới thiệu bài.  **2. Hoạt động luyện tập**  Bài 1: (cả lớp)  GV vẽ hình lên bảng y/c .  Nêu tên các cặp đ­ường thẳng vuông góc với nhau ở hình vẽ sau:  N Q M  ấ  H K G  -G V nghe, chốt lời giải đúng.  Bài 2:Ghi tên các cặp cạnh vuông góc với nhau trong  hình vẽ sau:  M N  Q P H  - Giáo viên chốt lại cách nhận biết 2 đ­ường thẳng vuông góc.  Bài 3:Có 3 hình vuông, mỗi hình có cạnh 10cm gộp đ­ược thành HCN(Hình vẽ)  a, Nêu tên các cạnh cùng vuông góc với cạnh DN  b,Tính chu vi và diện tích hình chữ nhật AMND  **3. Vận dụng:** | -HS trả lời.  - HS lắng nghe  - HS nêu yêu cầu của bài. Quan sát hình vẽ nêu tên các cặp đư­ờ­ng thẳng vuông góc.  VD:NH và NQ; QM và MG  - Học sinh lớp nhận xét - bổ sung.  - HS nêu yêu cầu của bài. Quan sát hình vẽ nêu tên các cặp đư­ờ­ng thẳng vuông góc.  Các cặp cạnh vuông góc:QM và MN; MN và NP....  HS quan sát hình, làm bài .  A B E M  D 10cm C G N  a, VD: Cạnh AD, CB, GE, NM  b, Chu vi : 80cm; diện tích: 300cm2  - HS đọc bài, làm bài, nêu cách làm bài.  - Lắng nghe  - Nêu các trường hợp vận dụng cách nhận biết hai đường thẳng vuông góc vào thực tế đời sống. |
| **4. Đánh giá, tổng kết, định hướng hoạt động**  -Nhận xét tiết học.  - Dặn HS chuẩn bị bài 21 (Tiết 2): Vẽ hai đường thẳng vuông góc | -Lắng nghe, thực hiện |

**Điều chỉnh - Bổ sung**

…………………………………………………………………………………………….......

………………………………..……………………………………………………………….

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Thứ ba ngày 22 tháng 10 năm 2024

**Buổi sáng:**

TiÕt 1**:** TIẾNG ANH

Giáo viên chuyên so¹n d¹y

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

TiÕt 2**:** TIẾNG ANH

Giáo viên chuyên so¹n d¹y

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

TiÕt 3**:** MĨ THUẬT

Giáo viên chuyên so¹n d¹y

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

TiÕt 4**:** GIÁO DỤC THỂ CHẤT

Giáo viên chuyên so¹n d¹y

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Buổi chiều:**

Tiết 1: TOÁN

**Hai đường thẳng vuông góc. Vẽ hai đường thẳng vuông góc (Tiết 2)**

**I. Yêu cầu cần đạt**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

1**. Năng lực đặc thù**:

- Thực hành vẽ được hai đường thẳng vuông góc.

- Vận dụng giải quyết được các vấn đề đơn giản liên quan đền vẽ hai đường thẳng vuông góc.

2. **Năng lực chung**:

- Năng lực tự chủ và tự học: HS chủ động xây dựng được kế hoạch học tập, thực hiện được cách vẽ đường thẳng vuông góc với một đường thẳng cho trước.

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: HS biết trao đổi, thảo luận với giáo viên và bạn bè vể những kiến thức, cách nhận biết, thực hành đo đường thẳng vuông góc.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học về góc vuông để lấy được ví dụ cụ thể trong thực tế, giải quyết một số vấn đề thực tế liên quan đến các cặp đường thẳng vuông góc với nhau.

3**. Phẩm chất**:

- Chăm học, ham học, có tinh thần tự học.

- Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, phát huy ý thức chủ động, trách nhiệm và bồi dưỡng sự tự tin, hứng thú trong việc học.

**II. Đồ dùng dạy học:**

-Ê ke, thước dây, thước kẻ, phiếu bài tập (Bài tập 5, 6), thẻ ghi các phương án A, B, C

**III. Các hoạt động dạy chủ yếu:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 1. **Hoạt động mở đầu**. | |
| - GV chiếu câu hỏi để học sinh lựa chọn phương án trả lời:  **Câu 1. Hình tam giác dưới đây có:**  A.Góc nhọn. B. Góc tù. C.ba góc nhọn*.*  Câu 2. **Hình tam giác dưới đây có:**  A.Góc vuông. B.Góc tù.C. ba góc nhọn.  **Câu 3. Hình tam giác dưới đây có:**  A.Góc vuông*.*B. Góc tù. C. ba góc nhọn.  **Câu 4: Để kiểm tra góc vuông ta phải dùng dụng cụ gì?**  A. Com pa B. Ê- ke C. thước kẻ  **Câu 5. Hai đường thẳng vuông góc với nhau tạo thành mấy góc vuông?**  A. **1 góc vuông**  B.**4 góc vuông.**  B. 2 góc vuông  - Nhận xét, khen ngợi học sinh.  - Giới thiệu bài: Nêu mục tiêu bài học và ghi tên bài. | **Hoạt động cả lớp**  - HS lắng nghe và giơ thẻ, chọn đáp án.  - HS lắng nghe, ghi vở. |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**. | |
| *Bài 5*:  Thực hành vẽ đường thẳng vuông góc (theo mẫu).  - Yêu cầu HS nêu yêu cầu bài 5 ( Mẫu- như SGK) . Thảo luận nhóm đôi cách vẽ đường thẳng CD đi qua điểm E….    - GV vừa hướng dẫn, vừa làm mẫu trên bảng từng bước bước vẽ.  + Bước 1: Đặt ê ke sao cho một cạnh của êke nằm trên đường thẳng AB.  + Bước 2: Dịch chuyển ê ke trên đường thẳng AB đến vị trí điểm E.  + Bước 3: Chọn điểm C trên cạnh còn lại của êke.  + Bước 4: Dùng thước thẳng kẻ đường thẳng CE.  Ta được đường thẳng CD đi qua điểm E và vuông góc với AB.  *Lưu ý HS:* Trong trường hợp điểm E nằm trên đường thẳng AB, cách vẽ cũng tương tự như trên.  \*Để ghi vẽ được 2 đường thẳng vuông góc, em cần lưu ý điều gì?  **Kết luận**: Các bước vẽ hai đường thẳng vuông góc:  + Bước 1: Đặt ê ke sao cho một cạnh của êke nằm trên đường thẳng AB.  + Bước 2: Dịch chuyển ê ke trên đường thẳng AB đến vị trí điểm E.  + Bước 3: Chọn điểm C trên cạnh còn lại của êke.  + Bước 4: Dùng thước thẳng kẻ đường thẳng CE. | **Hoạt động nhóm 2**  -HS đọc đề xác định yêu cầu, thảo luận nhóm đôi cách vẽ đường thẳng CD đi qua điểm E ( điểm E không nằm trên đường thẳng AB ) và vuông góc với đường thẳng AB.  -Một vài đại diện nhóm chia sẻ trước lớp.  -HS quan sát, ghi nhớ cách vẽ.  - HS sử dụng thước thẳng và ê- ke, thực hiện ( cá nhân) theo hướng dẫn của GV.  \*Nhớ được 4 bước vẽ góc vuông.  - HS nhắc 4 bước vẽ hai đường thẳng vuông góc. |
| **3.Hoạt động thực hành, luyện tập**. | |
| **\*Tổ chức cho HS thực hành vẽ.**  - GV chiếu tiếp yêu cầu bài 5b. Gọi HS nêu yêu cầu bài tập.  - Lưu ý HS thực hiện vẽ đường thẳng PQ qua điểm X nằm trên đường thẳng MN, điểm X nằm ngoài đường thẳng MN và vuông góc với MN qua 4 trường hợp (đường thẳng MN nằm ngang, đường thẳng MN nằm dọc; đường thẳng MN nằm xiên phải, đường thẳng MN nằm xiên trái)  Yêu cầu HS sử dụng thước thẳng và ê- ke, thực hiện vẽ (phiếu bài tập)  - Chữa bài: GV cho HS chơi vẽ tiếp sức trên bảng lớp.  *Mở rộng:*Em hãy quan sát các đồ dùng học tập của mình, quan sát lớp học để tìm hai đường thẳng vuông góc có trong thực tế cuộc sống.  Qua bài tập 5 giúp em điều gì?  **Kết luận:** Muốn vẽ được hai đường thẳng đi qua một điểm và vuông góc với một đường thẳng cho trước em cần thực hiện qua 4 bước như trên. | **Hoạt động nhóm**  - HS đọc yêu cầu: Vẽ đường thẳng PQ qua điểm X và vuông góc đường thẳng MN  - HS sử dụng thước thẳng và ê- ke, thực hiện ( cá nhân) trên phiếu bài tập, rồi chia sẻ với bạn.  - HS chơi theo tổ, mỗi tổ 4 HS, tổ nào xong trước thì và đúng tổ đó thắng cuộc.  - Quan sát và nêu: hai mép của quyển sách, quyển vở, hai cạnh của cửa sổ, hai cạnh của bảng lớp, hai cạnh của bàn học,…  - Giúp em biết cách vẽ hai đường thẳng đi qua một điểm và vuông góc với một đường thẳng cho trước. |
| *Bài 6*. Thực hành vẽ hình theo mẫu.  -Quan sát bài tập 6 và cho biết: Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì?  - Tổ chức cho HS hỏi nhanh, đáp gọn: Hình vẽ trên được tạo bởi những đường thẳng như thế nào? Nhắc lại các bước vẽ đưởng thẳng góc vuông.  - Cách vẽ hình chữ nhật giống với cách vẽ nào ở bài tập 5 vừa học?  - Yêu cầu HS thực hiện cách vẽ hình như trong SGK và lưu ý HS vẫn áp dụng các bước vẽ đã học.  - Yêu cầu HS cả lớp vẽ hình, 3 HS làm bảng phụ.  - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá bài của bạn.  - Nhận xét, tuyên dương HS vẽ hình tốt.  - Bài tập 6 giúp em điều gì?  **Kết luận:** Để vẽ được hình đúng cần: Quan sát mẫu, xác định những đường thẳng vuông góc, cách vẽ hình theo mẫu. | **Hoạt động cá nhân, lớp**  - 1 HS nêu yêu cầu bài tập: Vẽ hình theo mẫu.  - HS trả lời  - Giống trường hợp vẽ đường thẳng đi qua 1 điểm và vuông góc với đường thẳng đã cho và điểm này nằm ở trên và nằm ngoài đường thẳng đã cho.  - HS lắng nghe  - HS thực hành vẽ hình (theo mẫu) vào phiếu bài tập, 3 HS làm bảng phụ, chia sẻ trước lớp cách vẽ hình của mình.  - HS nhận xét hình vẽ của các bạn trên bảng phụ. HS đổi phiếu cho bạn kiểm tra.  - Giúp em có thêm kĩ năng vẽ hai đường thẳng vuông góc. |
| **4**. **Hoạt động** v**ận dụng, trải nghiệm:** | |
| *Bài 7*. Yêu cầu HS: Kể một tình huống vận dụng đường vuông góc trong cuộc sống mà em biết.  - Tuyên dương HS kể được các tình huống vận dụng đường vuông góc trong cuộc sống.  ***5. Đánh giá, tổng kết, định hướng hoạt động***  - Qua bài học này, em biết thêm được điều gì?  -Nhận xét tiết học.  - Dặn HS chuẩn bị bài 22: *Hai đường thẳng song song.* | **Hoạt động cá nhân, lớp**  - HS liên hệ với hoạt động thể dục “ Nhảy bật xa” trong đó để đo thành tích bật xa, người ta đo độ dài đường vuông góc từ điểm tiếp đất gần nhất của cơ thể đến vạch xuất phát.  - Các HS khác nối tiếp nhau kể việc vận dụng đường vuông góc trong cuộc sống.  VD: Để làm móng nhà, làm sân vận động, làm khung tranh,…  - HSTL: Biết cách vẽ hai đường thẳng vuông góc với nhau bằng thước thẳng và êke. Biết được thêm ứng dụng đường vuông góc trong cuộc sống mà em biết. |

**Điều chỉnh - Bổ sung**

………………………………………………………………………………………………

………………………………..……………………………………………………………..

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

TiÕt 2**:** TIẾNG ANH

Giáo viên chuyên so¹n d¹y

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tiết 3: ĐẠO ĐỨC

**Bài 2: Em thể hiện sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn (Tiết 1)**

**I. Yêu cầu cần đạt**

*1. Năng lực đặc thù*

*- Năng lực điều chỉnh hành vi và phát triển bản thân:* Cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn bằng những lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi; Sẵn sàng giúp đỡ người gặp khó khăn phù hợp với khả năng của bản thân.

*2. Năng lực chung*

*- Tự chủ và tự học:* Có ý thức tổng kết và trình bày được những điều đã họcvề giúp đỡ người gặp khó khăn thể hiện bằng lời nói và việc làm cụ thể; Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết giúp đỡ người gặp khó khăn thể hiện bằng lời nói và việc làm cụ thể; Có ý thức học tập và làm theo những tấm gương người tốt về thực hiện giúp đỡ người gặp khó khăn thể hiện bằng lời nói và việc làm cụ thể và vận dụng vào thực tiễn cuộc sống.

- *Giải quyết vấn đề và sáng tạo*: Biết thu nhận thông tin từ tình huống, nhận ra những vấn đề đơn giản và đặt được câu hỏi về giúp đỡ người gặp khó khăn thể hiện bằng lời nói và việc làm cụ thể.

- *Giao tiếp và hợp tác*: Tập trung chú ý khi giao tiếp với các bạn về giúp đỡ bạn bè mình khi gặp khó khăn thể hiện bằng lời nói và việc làm cụ thể; nhận ra được thái độ của bạn khi trao đổi về việc giúp đỡ người gặp khó khăn thể hiện bằng lời nói và việc làm cụ thể của bản thân.

*3. Phẩm chất*

- Có phần nào đó trách nhiệm trong việc thực hiện giúp đỡ người gặp khó khăn thể hiện bằng lời nói và việc làm cụ thể trong độ tuổi của mình; Yêu nước, nhân ái, trung thực, chăm chỉ, trách nhiệm đối với quyền và bổn phận của trẻ em.

**II. Đồ dùng dạy học**

- Các video, clip liên quan đến thể hiện sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn

- Tranh, hình ảnh về thể hiện sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn

**III. Các hoạt dạy học chủyếu:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Học động của học sinh** |
| **1. Hoạt động mở đầu** | |
| - GV tổ chức cho học sinh tham gia trò chơi “ ***Sóng xô*** ”.  - GV yêu cầu HS lắng nghe phổ biến cách chơi trò chơi:  *\** ***Cách chơi***: Cả lớp xếp thành vòng tròn, tất cả quàng tay khoác vai nhau. GV(quản trò) đứng giữa tâm vòng tròn.  - Khi nghe quản trò hô: *Sóng biển, sóng biển!*, cả lớp tay khoác vai nhau đung đưa sang bên trái rồi bên phải như làn sóng và đồng thanh hô: *Rì rào, rì rào!*  Quản trò hô: *Sóng xô về phía trước !* cả lớp tay khoác vai nhau, đầu cúi, lưng gập về phía trước và đồng thanh hô: *Ầm, ầm!*  Quản trò hô: *Sóng thần, sóng thần*, cả lớp phải nhảy lên, nắm táy nhau giơ cao và cùng hô: *Ầm, ầm,......*  ***\* Luật chơi***: Mọi người đều cầm tay nhau cho chặt, nếu tụt tay khỏi bạn sẽ bị coi là phạm luật, phải nhảy một vòng lò cò để về chỗ.  - Người nào làm sai hiệu lệnh, cũng bị coi là phạm luật và cũng phải nhảy lò cò một vòng để về chỗ.  + Mỗi nhóm lần lượt kể được các ngày lễ, tết dành cho trẻ em và nêu được các hoạt động chủ yếu thường diễn ra trong ngày đó.  + Nhóm nào kể được nhiều ngày lễ, tết và nêu được nhiều hoạt động hơn sẽ thắng cuộc.  *a. Theo em, “cơn sóng” tượng trưng cho điều gì trong cuộc sống?*  *b. Khi thấy một ai đó gặp “sóng gió” chúng ta cần làm gì?*  - GV tổ chức thực hiện trò chơi: Mời bất kì thành viên nào trong mỗi nhóm luân phiên nhau tham gia trò chơi *Sóng xô.*  - GV nhận xét, đánh giá, trao thưởng cho các nhóm giành chiến thắng.  *Kết luận*: Khi môt bạn trong tập thể lớp gặp sóng gió, chỉ cần những người bạn xung quanh trong lớp dang tay nâng đỡ, cứu giúp thì đó sẽ là nguồn động lực to lớn để bạn học cùng mình có động lực đi tiếp.  - GV dẫn dắt vào bài: *Em thể hiện sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn* | - HS tham gia trò chơi khởi động.  - HS trả lời theo ý hiểu của cá nhân như: Theo em, “*cơn sóng*” tượng trưng cho những điều khó khăn mà chúng ta gặp phải trong cuộc sống như: Khả năng tập trung kém, Sợ hãi và ngại giao tiếp, Khó khăn trong việc hiểu và tiếp thu bài giảng, Không có động lực học, hứng thú học tập,....  - HS trả lời theo ý hiểu của cá nhân như: Khi thấy một ai đó gặp “sóng gió” chúng ta cần: biết thông cảm và giúp đỡngười gặp khó khăn và hoạn nạn trong cuộc sống,....  - HS tham gia trò chơi và các thành viên trong mỗi nhóm luân phiên nhau chơi trò chơi *Sóng xô*.  - HS lắng nghe GV nhận xét, đánh giá và trao thưởng cho nhóm giành chiến thắng trong cuộc chơi.  - HS nhắc nối tiếp và ghi đầu bài vào vở |
| **2. Hình thành kiến thức** | |
| ***Hoạt động 1: Đọc câu chuyện và trả lời câu hỏi***  ***-*** GV yêu cầu HS chia nhóm và hoạt động nhóm 2.  - GV yêu cầu các nhóm đọc câu chuyện *Một ly sữa* và trả lời các câu hỏi.  - GV yêu cầu Quan sát tranh minh họa.  - GV mời đại diện 3 – 5 HS trả lời. Các  HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).  *a. Cô bé đã làm gì khi thấy cậu bé nghèo hỏi xin một cốc nước*?  *b. Vì sao hoá đơn viện phí đã được bác sĩ Ha-uốt Ken-li thanh toán?*  *c. Em rút ra được bài học gì qua câu chuyện trên ?*  - GV yêu cầu cả lớp nhận xét và đánh giá câu trả lời của bạn.  - Giáo viên nhận xét, đánh giá và đưa ra câu trả lời phù hợp.  ***\* Kết luận:*** Ai cũng có lúc khó khăn và cần được giúp đỡ. cậu bé nghèo năm xưa chính là bác sĩ Ha-uốt Ken-li bác sĩ đã nhớ và trả ơn hành động của cô bé từ câu chuyện này cũng để lại nhiều bài học đó là giúp người là giúp mình, sự cảm thông, sự giúp đỡ cần thể hiện bằng lời nói và hành động cụ thể.  ***Hoạt động 2. Quan sát tranh và thực hiện yêu cầu.***  - GV yêu cầu HS quan sát tranh và thực hiện yêu cầu:  - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân nêu những biểu hiện của sự cảm thông, giúp đỡ người có hoàn cảnh khó khăn trong 6 bức tranh mục ***b*** trong SGK.  - GV tổ chức cho HS chia sẻ.  *a. Em hãy nhận xét việc làm của các bạn trong tranh*.  *b. Em có sẵn sàng giúp đỡ người gặp khó khăn, phù hợp với khả năng của mình không? Vì sao?*  *c. Hãy kể thêm những hành động khác thể hiện sự cảm thông, giúp đỡ người góp khó khăn mà em biết.*  - GV mời 2 – 3 HS trả lời câu hỏi. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá và đưa ra câu trả lời phù hợp:  \* ***Kết luận***: Trong cuộc sống các em cần quan sát và hành động làm sao cho đúng với những hoàn cảnh cụ thể để ta có hành động thiết thực giúp đỡ bạn bè khi gặp khó khăn,...không nên vì những cảm xúc cá nhân chỉ biết bản thân không cảm thông chia sẻ với các mảnh đời yếu thế, giúp người là giúp mình trong mọi hoàn cảnh sảy ra. | - HS chia nhóm và hoạt động nhóm 2.  - Các nhóm đọc câu chuyện Một ly sữa và trả lời các câu hỏi.  + Đại diện 3 – 5 HS trả lời. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến.  **a.** Khi thấy cậu bé nghèo hỏi xin một cốc nước, cô bé đã: nhanh chóng đem tới một li sữa cho cậu bé nghèo.  **b.** Hoá đơn viện phí đã được bác sĩ Ha-uốt Ken-li thanh toán vì: người bệnh nhân chính là cô gái năm nào cho mình sữa lúc đói bụng.  **c.** Bài học được rút ra qua câu chuyện trên: Con người ta ai cũng sẽ gặp khó khăn trong cuộc sống. Nếu ta biết giúp đỡ người khác khi họ gặp khó khăn thì tới lúc ta gặp khó khăn cũng sẽ được người khác giúp đỡ lại.  - Nhận xét câu trả lời và đưa ra đánh giá của bản thân cho câu trả lời của các bạn.  - Nghe GV nhận xét, đánh giá.  - HS lắng nghe GV kết luận.  - HS quan sát tranh và thực hiện yêu cầu:  - HS làm việc cá nhân nêu những biểu  hiện của sự cảm thông, giúp đỡ người có hoàn cảnh khó khăn trong 6 bức tranh mục ***b*** trong SGK.  - HS chia sẻ.  a. Việc làm của các bạn trong tranh:  - Ở tranh 1,2,3,4,6, các bạn nhỏ đã thể hiện được sự thông cảm và có ý muốn giúp đỡ những hoàn cảnh khó khăn.  - Ở tranh 5: Bạn nhỏ đã chưa biết thông cảm, chia sẻ với những hoàn cảnh khó khăn, đáng thương của các em nhỏ trong trại trẻ tình thương.  b. Em sẵn sàng giúp đỡ người gặp khó khăn, phù hợp với khả năng của mình . Vì:  - Những người đó, họ rất cần được giúp đỡ. và khi nhận được sự giúp đỡ từ người khác, họ sẽ cảm thấy tin tưởng vào cuộc sống hơn, sống vui vẻ hơn.  - Ai cũng có lúc gặp khó khăn, lúc nào mình có khả năng giúp được họ thì cứ giúp, vì biết đâu cũng sẽ có lúc mình cũng gặp khó khăn, cần đuọc giúp đỡ như họ.  c. Kể thêm những hành động khác thể hiện sự cảm thông, giúp đỡ người góp khó khăn mà em biết:  - Ở trường em, vào dịp khai giảng năm học mới, nhà trường đã tặng cho những học sinh nghèo vượt khó mỗi bạn một bộ áo quần mới để tới trường.  - Bạn Hà là một học sinh nghèo, tuy nhà xa trường nhưng không có xe đạp để đi học. Thấy vậy, bạn Tí ngày nào cũng đi xe đạp qua nhà chở Hà cùng đến trường.  - HS nhận xét câu trả lời của bạn. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến.  - Nghe GV nhận xét, đánh giá.  - HS lắng nghe GV kết luận. |
| **3. Hoạt động vận dụng** | |
| - GV yêu cầu HS thực hiện hoạt động chơi trò chơi “*Chuyền điện*”.  - GV mời 3 - 5 HS phát biểu câu trả lời của mình.  - *Gv hướng dẫn luật chơi*: GV tiến hành phỏng vấn nhanh HS trong vòng 3 phút. Mỗi HS sẽ kể một việc mà bản thân đã làm thể hiện được sự cảm thông giúp đỡ người gặp khó khăn bằng lời nói, việc làm cụ thể. HS nào kể hợp lí sẽ có quyền chỉ định bạn tiếp theo, lần lượt đến hết thời gian.  *+ Chia sẻ về những việc em đã làm để cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn*.  *+ Thực hiện những việc làm thể hiện sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn tại nơi em đang sinh sống*.  - GV đánh giá, tổng kết câu trả lời tốt nhất.  **4. Đánh giá, tổng kết, định hướng hoạt động học tập tiếp theo**  - GV cho HS đọc lời khuyên trong SGK *Đạo đức* trang 23.  - GV giao nhiệm vụ cho học sinh về nhà thực hiện.  - Nhận xết tiết học. | - HS thực hiện hoạt động chơi trò chơi “*Chuyền điện*”.  - 3 - 5 HS phát biểu câu trả lời của mình.  + Những việc em đã làm để cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn:  - Giúp em nhỏ qua đường.  - Giúp mẹ đi mua thuốc khi mẹ bị bệnh.  - Cho bạn đi cùng xe tới trường khi xe đạp của bạn bị hỏng,…..  + HS tự thực hiện theo điều kiện của mình mà tình huống gặp phải.  - Nghe GV nhận xét.  - HS đọc lời khuyên trong SGK Đạo đức trang 23.  - HS nghe và về nhà thực hiện yêu cầu. |

**Điều chỉnh - Bổ sung**

…………………………………………………………………………………………….......

………………………………..……………………………………………………………….

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Thứ tư ngày 23 tháng 10 năm 2024

**Buổi sáng:**

Tiết 1: TIẾNG VIỆT

**Bài viết 1: Luyện tập tả cây cối**

**I. Yêu cầu cần đạt**

Sau bài học này, học sinh sẽ:

**1. Phát triển các năng lực đặcthù:**

*-* Biết tìm ý và lập dàn ý cho bài văn tả một cây hoa (hoặc cây ăn quả, cây bóng mát, cây lương thực, cây cảnh) bằng sơ đồ tư duy.

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất:**

- Phát triển năng lực tự chủ và tự học (biết tự giải quyết nhiệm vụ học tập); năng lực sáng tạo (biết vận dụng những diều đã học để tìm ý, lập dàn ý cho bài văn tả cây cối). Bồi dưỡng phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm (hoàn thành nhiệm vụ được giao; tìm ý và hoàn thiện dàn ý cho bài văn).

**II. Đồ dùng dạy học:**

-Máy chiếu, máy tính, tranh ảnh một số cây cối.

## III. Các hoạt động dạy học:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động mở đầu:** | |
| - GV tổ chức trò chơi “Tôi là ai”  Câu hỏi 1:  Mang tên loài chim đẹp  Hoa như lửa đầy cành  Rực rỡ cạnh lá xanh  Gọi ve về ca hát.  Câu 2:  Thân nhiều gai nhọn  Hoa trắng ngát thơm  Cành trĩu quả tròn  Mang đầy múi ngọt  Câu 3:  Cây gì thẳng tắp trước nhà  Trái ngon dành tặng riêng bà, bà ơi?  Câu 4:  Thân cây không vỏ  Cành thì chẳng có  Hoa thì đo đỏ  Quả đầy một giỏ   Áo đơn, áo kép, đứng nép bờ ao?  - GV khen ngợi HS có câu trả lời đúng.  - GV giới thiệu bài. | - HS chơi trò chơi  **- HS trả lời: Cây phượng vĩ**  **- HS trả lời: Cây bưởi**  **- HS trả lời: Cây cau**  **- HS trả lời: Cây chuối**  - HS lắng nghe |
| **2. Luyện tập:** | |
| **Hoạt động 1: Tìm ý**  2.1. GV yêu cầu HS xem lại nội dung ghi chép về kết quả quan sát ở Bài 3.  2.2. GV hướng dẫn HS tìm ý bằng sơ đồ tư duy  a) Tạo từ khóa  - GV yêu cầu HS viết các từ thể hiện suy nghĩ hoặc kết quả quan sát của mình về loài cây (hoa, quả) được miêu tả.  - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện tìm ý bằng sơ đồ tư duy.  - GV theo dõi, quan sát, hỗ trợ HS  **b) Sắp xếp ý**  - GV giới thiệu với HS cách sắp xếp ý dựa trên các từ khóa đã tìm được  + Xem lại các từ khóa vừa tìm được và nối các từ khóa có quan hệ gần nhất với nhau.  + Bỏ bớt đi những từ không phù hợp hoặc không cần thiết  + Sắp xếp lại các từ khóa theo thứ tự bậc từ ý lớn đến ý nhỏ  - GV chuẩn bị các tấm bìa hoặc băng giấy màu to bản, trên có ghi nội dung các từ khóa theo ví dụ về cây hoa hồng trong SGK để làm mẫu cho HS.  - GV thực hành mẫu cho HS theo 3 bước lập dàn ý.  - GV yêu cầu 2-3 HS miêu tả về các chi tiết của cây hoa hồng dựa theo nội dung các tấm bìa/băng giấy màu.  - GV đặt các câu hỏi gợi ý:  + Bông hoa hồng có hình dáng thế nào?  + Bông hoa màu có những màu gì?  + Hoa hồng có mùi thơm hay không?  + Khi chạm tay vào cánh hoa hồng, em thấy thế nào?  + Em thích nhất hoa hồng ở điểm gì?  - GV yêu cầu HS lập dàn ý miêu tả một loài cây (hoa quả) theo 3 bước đã được hướng dẫn. | - HS làm bài  - GV viết từ  - HS thực hiện nhiệm vụ  - HS lắng nghe và thực hiện nhiệm vụ  - HS quan sát  - HS quan sát, lắng nghe  - HS miêu tả về các chi tiết cây hoa hồng  + HS trả lời  + HS trả lời  + HS trả lời  + HS trả lời  + HS trả lời  - HS lập dàn ý |
| **Hoạt động 2: Lập dàn ý**  - GV yêu cầu HS dựa vào kết quả tìm ý để lập dàn ý.  - GV mời 2 – 3 HS trình bày trước lớp về dàn ý của mình.  - GV mời HS nhận xét bài làm của bạn.  - GV nhận xét, biểu dương bài làm tốt. | - HS thực hiện nhiệm vụ  - HS trình bày kết quả trước lớp  - HS nhận xét  - HS lắng nghe |
| **3. Hoạt động vận dụng**  **-** GV yêu cầu HS trang trí cho sơ đồ tư duy dàn ý | - HS thực hiện nhiệm vụ |
| **4. Đánh giá, tổng kết, định hướng hoạt động học tập tiếp theo**  - GV nhận xét tiết học, khen ngợi, biểu dương học sinh  - GV khuyến khích HS đọc sách. |  |

**Điều chỉnh - Bổ sung**

………………………………………………………………………………………………...

………………………………..……………………………………………………………….

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tiết 2: TOÁN

**Hai đường thẳng song song. Vẽ hai đường thẳng song song (T1)**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

1**. Năng lực đặc thù**:

- HS nhận biết được hai đường thẳng song song và mô tả đặc điểm của hai đường thẳng song song.

2. **Năng lực chung**:

- Năng lực tự chủ và tự học: HS chủ động xây dựng được kế hoạch học tập, thực hiện các hoạt động học tập trong bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết mô tả các hiện tượng quan sát được, mô tả được các đặc điểm của hai đường thẳng song song.

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Biết diễn giải, trả lời câu hỏi ( bằng cách nói hoặc viết) về đặc điểm của hai đường thẳng song song.

3**. Phẩm chất**:

- Chăm chỉ: Chăm học, ham học, có tinh thần tự học;

- Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú, say mê các con số để giải quyết bài toán.

**II. Đồ dùng dạy học**

-Bộ đồ dùng dạy học Toán 4; thước kẻ.

**III. Các hoạt động dạy học chủ yếu**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 1. **Hoạt động mở đầu**.  \* Tổ chức trò chơi HS chơi trò chơi *"Ai nhanh hơn?"* | |
| GV chiếu hình ảnh (nội dung câu hỏi)  + Câu 1: Em hãy vẽ hình chữ nhật và đặt tên cho hình vừa vẽ?  + Câu 2: Hãy chỉ và nêu tên các góc vuông trong hình vừa vẽ  + Câu 3: Em hãy nêu tên các cặp cạnh vuông góc với nhau trong hình?  \* Y/ c HS quan sát hình ảnh 2 đường ray và nêu nhận xét, dự đoán xem haiđường ray này có bao giờ cắt nhau không?  - Giới thiệu bài học. | **Hoạt động cả lớp**  - Cả lớp quan sát, chú ý lắng nghe và thực hiện theo yêu cầu.  + HS: Viết kết quả (bảng con)  **Hoạt động nhóm đôi**  - HS quan sát, thảo luận nhóm 2, nêu nhận xét và kết quả dự đoán:  HS 1: ...  HS 2:  Haiđường ray của xe lửa trên không bao giờ cắt nhau. |
| 2. **Hoạt động hình thành kiến thức mới** | |
| \* **Nhận biết hai đường thẳngsong song**.  - GV vẽ lên bảng hình chữ nhật ABCD và yêu cầu HS nêu tên hình.  A B  C D  - GV mời 1 HS lên bảng dùng phấn màu kéo dài hai cạnh đối diện AB và DC về hai phía.  - Khi kéo dài hai đường thẳng trên các em có thấy hai đường thẳng này cắt nhau tại điểm nào không?  - Khi kéo dài hai cạnh AB về hai phía ta được đường thẳng AB; kéo dài cạnh CD về hai phía ta được đường thẳng CD. Vậy 2 đường thẳng AB và CD là hai đường thẳng song song với nhau.(Nghĩa là kể cả khi mình có kéo dài mãi về hai phía thì chúng sẽ không cắt nhau, tức là chúng không có điểm chung với nhau).  A B  C D  - GV yêu cầu HS kéo dài hai cạnh đối còn lại của hình chữ nhật là AD và BC và hỏi: *Kéo dài hai cạnh AC và BD của hình chữ nhật ABCD chúng ta có được hai đường thẳng song song không?*  \* Đặc điểm của 2 đường thẳng song song.  *-* GVgiới thiệu hai đường thẳng (như SGK) là hai đường thẳng song song. *Nếu kéo dài hai đường thẳng song song về hai phía thì hai đường thẳng này có cắt nhau không?*    - *Mở rộng*: Xung quanh chúng ta có rất nhiều hình ảnh, đồ vật có dạng hai đường thẳng song song, các em hãy quan sát đồ dùng học tập, quan sát lớp học để tìm một số đồ vật có dạng hai đường thẳng song song.  - Hãy so sánh hai đường thẳng song song khác với hai đường thẳng vuông góc ở điểm nào?  *-* Vậy hai đường thẳng như thế nào là hai đường thẳng song song?  **Kết luận**:Hai đường thẳng song song với nhau không bao giờ cắt nhau. | **Hoạt động cá nhân, lớp**  - Hình chữ nhật ABCD.  - 1HS lên bảng thực hiện, HS dưới lớp quan sát.  - HS trả lời: Khi kéo dài hai đường thẳng trên em thấy hai đường thẳng này không cắt nhau tại điểm nào.  - HS theo dõi thao tác của bạn.  - HS cả lớp nhắc lại: Hai đường thẳng AB và CD là hai đường thẳng song song với nhau.  -HS trả lời: Nếu kéo dài hai đường thẳng song song về hai phía thì hai đường thẳng này không bao giờ cắt nhau.  - HS tìm và nêu: Trong cuộc sống, hai đường thẳng song song được ứng dụng rất nhiều ví dụ như làm bảng hiệu, khung cửa, đường ray của xe lửa… 2 mép đối diện của quyển sách hình chữ nhật, 2 cạnh đối diện của bảng đen, của cửa sổ, cửa chính, khung ảnh, …  -HS nêu suy nghĩ, chia sẻ trước lớp.    -HS nhận xét, đánh giá.  *+* HS trả lời: *Hai đường thẳng song song với nhau không bao giờ cắt nhau.*  *+ HS nêu KL* |
| 3. **Hoạt động thực hành, luyện tập**. | |
| **Bài 1:**  - Gọi HS đọc yêu cầu.  - GV chiếu hình ảnh, yêu cầu HS quan sát, thảo luận và thực hiện các nhiệm vụ trong bài 1.    - GV nhấn mạnh lại yêu cầu của bài, tổ chức cho HS làm bài.  - Gọi HS báo cáo, giải thích.  \* Ở bài 1, em học thêm được điều gì?  - **Kết luận:**  + Hai đường thẳng song song là hai dường thẳng không bao giờ cắt nhau.  + Hai đường thẳng không song song là hai đường thẳng cắt nhau tại một điểm. | **Hoạt động cá nhân, lớp**  - 1 HS đọc yêu cầu bài tập, các bạn khác đọc thầm yêu cầu: Nêu các cặp đường thẳng song song với nhau, các cặp đường thẳng không song song với nhau trong mỗi hình sau đây:  - HS quan sát hình a,b,c,d, suy nghĩ và tìm câu trả lời. Nói với bạn bên cạnh kết quả bài của mình.  *+ Cặp đường thẳng EG ; HI song song với nhau.*  *+ Cặp đường thẳng ST ; XY song song với nhau.*  *+ Cặp đường thẳng AB, CD không song song với nhau.*  *+ Cặp đường thẳng MN; PQ không song song với nhau.*  -HSTL: Trong bài tập 1 các em đã biết xác định hai đường thẳng song song và hai đường thẳng không song song với nhau.  + HS nêu KL. |
| **Bài 2:**  - Gọi 1 HS đọc yêu cầu.  - GV chiếu hình ảnh.    - GV lưu ý HS: Tìm những cặp cạnh song song với nhau; những cặp cạnh vuông góc với nhau.  Yêu cầu HS quan sát hình (nhóm đôi) cùng tìm câu trả lời.  Gọi HS chia sẻ, giải thích cách làm.  - Trong bài tập này em học được điều gì?  **Kết luận:**  Hai đường thẳng song song thì không bao giờ cắt nhau ( nghĩa là chúng không có điểm chung). | **Hoạt động nhóm đôi**  - HS đọc đề bài: Trong hình bên, hãy gọi tên:  a) Những cặp cạnh song song với nhau.  b) Những cặp cạnh vuông góc với nhau.  - HS quan sát hình HIKMG, thảo luận theo nhóm đôi.  - HS chia sẻ kết quả trước lớp (có thể chỉ trên hình và dùng ê ke kiểm tra góc)  *+ Những cặp cạnh song song với nhau: Cạnh MG// cạnh KI; Cạnh GI// cạnh MK*  *+ Những cặp cạnh vuông góc với nhau:*  *Cạnh MG vuông góc cạnh MK;*  *Cạnh KM vuông góc cạnh KI;*  *Cạnh IK vuông góc cạnh IG;*  *Cạnh GI vuông góc cạnh GM;*  *Cạnh HI vuông góc cạnh HG;*  -HS trả lời: biết cách xác định được các cặp cạnh song song, các cặp cạnh vuông góc với nhau trong mỗi hình. |
| **4**. **Hoạt động vận dụng, trải nghiệm** | |
| -Thế nào là hai đường thẳng song song với nhau?  - Em hãy tìm trong cuộc sống các đồ vật có hai đường thẳng song song.  **5. Đánh giá, tổng kết, định hướng hoạt động học tập tiếp theo**  - Bài học hôm nay, em học được những gì?  -Nhận xét tiết học.  - Dặn HS chuẩn bị bài 22: *Vẽ hai đường thẳng song song.* | **Hoạt động cả lớp**  - HS trả lời.  - HS thi đua nhau trả lời.  - HS chia sẻ:  Hôm nay học được cách nhận biết được hai đường thẳng song song và đặc điểm của hai đường thẳng song song. |

**Điều chỉnh - Bổ sung**

………………………………………………………………………………………………..

………………………………..………………………………………………………………

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tiết 3 + 4: LỊCH SỬ - ĐỊA LÍ

## Bài 4: Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hóa ở vùng trung duvà miền núi Bắc Bộ*(Tiết 3 + 4)*

**I. Yêu cầu cần đạt**

**1. Kiến thức**

*Sau bài học này, HS sẽ:*

-Kể được tên một số dân tộc sinh sống ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

- Nhận xét được một cách đơn giản sự phân bố dân cư ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ thông qua lược đồ phân bố dân cư.

- Nêu được một số cách thức khai thác tự nhiên ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

- Mô tả được một số nét văn hóa của các dân tộc ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ (chợ phiên vùng cao, lễ hội Tồng Ngồng, múa Xòe Thái).

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

*-Năng lực giao tiếp hợp tác:* bước đầu sử dụng được ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh, cử chỉ để trình bày thông tin về một số nét văn hoá ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ; thực hiện nhiệm vụ theo nhóm; trao đổi tích cực, có hiệu quả với thầy cô và bạn bè.

*- Năng lực tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.

*- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* khả năng giải quyết các nhiệm vụ học tập độc lập và theo nhóm; tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

***Năng lực đặc thù:***

-Năng lực đọc hiểu và tự tìm kiếm được những thông tin về dân cư, hoạt động sản xuất, văn hoá đặc trưng của các dân tộc ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

- Từ những nguồn tư liệu, nêu được nhận xét về đặc điểm, ý nghĩa của các nétvăn hoá của các dân tộc ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ đối với dân tộc đó nói riêng và đối với đất nước nói chung.

- Khả năng sử dụng được các nguồn tư liệu lịch sử và địa lí để thảo luận về một nétvăn hoá ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

**3. Phẩm chất**

*- Nhân ái:* Tôn trọng sự da dạng văn hóa của các dân tộc vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

*- Chăm chỉ:*Tự giác tìm hiểu, khám phá tri thức liên quan đến nội dung bài học.

**II. Đồ dùng dạy học:**

-Tranh ảnh về một số dân tộc, chợ phiên vùng cao, lễ hội Lồng Tồng, xòe Thái ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

- Video clip về cách khai thác tự nhiên (làm ruộng bậc thang, xây dựng các công trình thủy điện, khai thác khoáng sản) (nếu có).

**III.Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của gv** | **Hoạt động của hs** |
| **1. Hoạt động mở đầu**  **-** Hãy nêu đặc điểm về dân cư ở vùng trung duvà miền núi Bắc Bộ  - GV mời 2 – 3 HS chia sẻ.  - GV dẫn dắt HS vào bài học  **2. Hoạt động hình thành kiến thức**  **Hoạt động 5: Khám phá một số nét văn hóa**  - GV tổ chức cho cả lớp thảo luận nhóm:  + Chia lớp làm 6 nhóm (2 nhóm thực hiện cùng một nội dung)  + GV phân công nhiệm vụ cho từng nhóm:  *-Nhóm 1, 2: Mô tả về chợ phiên ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ. Hãy giới thiệu về một chợ phiên vùng cao mà em đã tìm hiểu hoặc trải nghiệm.*  *- Nhóm 3, 4: Mô tả về lễ hội Tồng Ngồng ở vùng Trung du mà miền núi Bắc Bộ.*  *- Nhóm 5, 6: Mô tả về nghệ thuật múa Xòe Thái ở vùng Trung du mà miền núi Bắc Bộ.*  - GV gọi đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận của nhóm, các nhóm cùng nội dung lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu có).  - GV giáo dục HS: Tôn trọng sự đa dạng văn hóa của các dân tộc ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.  - GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức  *+ Chợ phiên vùng cao*  *-Thường họp vào những ngày nhất định, rất đông vui.*  *- Chợ phiên không chỉ là nơi mua bán, trao đổi hàng hóa mà còn là nơi gặp gỡ, vui chơi, giao lưu văn hóa của người dân.*  *- Chợ phiên cũng là nơi lưu giữ những nét văn hóa đặc sắc về ẩm thực, trang phục.*  - GV cho HS xem video về chợ phiên vùng cao ngày Tết (lấy từ 1:22 đến 6:10)  <https://www.youtube.com/watch?v=_hTQR1zabbI>  *+ Lễ hội Lồng Tồng*  *-Còn được gọi là lễ hội xuống đồng của các dân tộc Tày, Nùng,… để cầu trời cho mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu, đời sống ấm no.*  *- Thường được tổ chức vào đầu mùa xuân.*  *- Hoạt động chính của lễ hội là nghi thức xuống đồng với nghi thức cày đường cày đầu tiên, thi cấy,…*  *- Trong lễ hội có các trò chơi dân gian: kéo co, đẩy gậy, bịt mắt đập trống,…*  - GV cho HS xem video về lễ hội Lồng Tồng:  <https://www.youtube.com/watch?v=35_-naEGsGw>  *+ Xòe Thái*  *-Là loại hình múa truyền thống, đặc sắc, có vị trí quan trọng trong đời sống tinh thần người Thái.*  *- Có nhiều điệu, trong đó xòe vòng là phổ biến nhất. Các vòng xòe thường được xác định “tâm xòe” bởi một hũ rượu cần hoặc đống lửa.*  *- Năm 2021, nghệ thuật Xòe Thái được UNESCO ghi danh là Di sản Văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.*  - GV cho HS xem video về điệu múa xòe Thái: lấy từ 0:12 đến 1:00.  <https://www.youtube.com/watch?v=LHDcW2BBkRs>  **3. Hoạt động luyện tập**  ***Nhiệm vụ 1: Trò chơi Ai nhanh hơn?***  - GV chia HS cả lớp thành 2 đội chơi.  - GV lần lượt đọc các hỏi trắc nghiệm, các đội xung phong giành quyền trả lời. Đội nào có câu trả lời đúng và nhanh nhất, đó là đội chiến thắng.  - GV đọc câu hỏi:  **Câu 1:** Chợ phiên vùng cao có điểm khác biệt nào so với các chợ ở vùng đồng bằng?  A. Hàng hóa bày bán mộc mạc, không cầu kì.  B. Là nơi giao lưu văn hóa giữa các dân tộc.  C. Được tổ chức mỗi tuần một lần.  D. Tất cả A, B, C đều đúng.  **Câu 2:** Đâu là lễ hội mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?  A. Lễ hội Đua bò bảy núi.  B. Lễ hội Lồng Tồng.  C. Lễ hội Bà chúa xứ núi Sam.  D. Lễ hội Tống Ôn.  **Câu 3:** Ý nào dưới đây khôngđúng khi nói về Múa xòe Thái?  A. Là loại hình múa truyền thống đặc sắc, chiếm vị trí quan trọng trong đời sống của cộng đồng người Thái ở các tỉnh vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.  B. Múa xoè Thái thể hiện tinh thần bình đẳng, không phân biệt giới tính, độ tuổi của người Thái.  C. Nghệ thuật xoè Thái là biểu tượng cho nghệ thuật vũ đạo, âm nhạc, trang phục và ứng xử văn hoá của cộng đồng người Thái.  D. Múa xòe Thái sử dụng các nhạc cụ piano, đàn violon để hòa tấu trong các tiết mục.  **Câu 4:** Đặc điểm trang phục của con trai các dân tộc vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là gì?  A. Trang trí công phu, màu sắc sặc sỡ.  B. Trang trí công phu, màu sắc đơn giản.  C. Đơn giản, có màu sẫm.  D. Đơn giản, màu sắc sặc sỡ.  **Câu 5:** Nhà máy thủy điện nào dưới đây là nhà máy thủy điện lớn nhất Việt Nam hiện nay?  A. Nhà máy thủy điện Sơn La.  B. Nhà máy thủy điện Lai Châu.  C. Nhà máy thủy điện Hòa Bình.  D. Nhà máy thủy điện Na Hang.  - GV mời các đội xung phong trả lời.  - GV nhận xét, đánh giá và tuyên bố đội thắng cuộc.  - GV chốt đáp án:   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | | **Đáp án** | D | B | D | C | A |   ***Nhiệm vụ 2. HS thảo luận nhóm và trả lời các câu hỏi***  - GV chia HS thành các nhóm (6HS/nhóm) và nêu câu hỏi  *+ Trình bày đặc điểm phân bố dân cư ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ. Nêu một số nguyên nhân của sự phân bố đó.*  *+ Tại sao ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ lại phát triển các hoạt động sản xuất như: làm ruộng bâc thang, xây dựng các công trình thủy điện, khai thác khoáng sản?*  *+ Em ấn tượng điều gì về chợ phiên vùng cao, lễ hội Lồng Tồng và xòe Thái?*  - GV mời đại diện 1 – 2 nhóm trình bày kết quả trước lớp. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung câu trả lời.  - GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức:  *+ Đặc điểm phân bố dân cư vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ:*  *-Là nơi có dân cư thưa thớt. Sự phân bố dân cư có nhiều điểm khác nhau giữa miền núi và trung du. Vùng cao dân cư thưa tớt hơn vùng thấp và các đô thị.*  *- Dân cư phân bố như vậy chủ yếu vì địa hình nơi đây nhiều đồi núi, giao thông khó khăn...*  *+ Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ phát triển các hoạt động sản xuất như: làm ruộng bâc thang, xây dựng các công trình thủy điện, khai thác khoáng sản vì*  *-Địa hình nơi đây dốc nên khó khăn trong việc canh tác nhất là trồng lúa nước.*  *- Nơi đây cũng có nhiều con sống lớn, điều kiện tự nhiên thuận lợi để xây dựng các công trình thủy lợi.*  *- Khu vực này cùng nhiều tài nhiên khoáng sản nhất nước ta.*  **4. Hoạt động vận dụng**  ***Lựa chọn 1 trong 2 bài tập sau:***  *+ Bài 1: Bạn Hoa và bạn Minh đang tranh luận về ảnh hưởng của việc xây dựng các công trình thủy điện đối với đời sống và sản xuất. Bạn Hoa nói: “Đắp đập ngăn sông để làm thủy điện đem lại nhiều lợi ích cho đời sống và sản xuất”. Bạn Minh nói: “Tớ lại nghĩ, làm thủy điện không chỉ mang lại lợi ích mà còn ảnh hưởng tiêu cực tới môi trường và cuộc sống của người dân xung quanh”. Em đồng ý với ý kiến của bạn nào? Hãy nêu ví dụ để bảo vệ ý kiến của mình.*  *+ Bài 2: Tìm hiểu và giới thiệu về một lễ hội ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.*  - GV chia HS thành các nhóm nhỏ (4 – 6 HS/nhóm).  - Các nhóm sẽ bốc thăm lựa chọn bài tập và thực hiện yêu cầu bài tập ở nhà, tiết sau sẽ trình bày sản phẩm trước lớp.  **5. Đánh giá, tổng kết, định hướng hoạt động học tập tiếp theo**  - Nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - Nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  - GV nhắc nhở HS:  + Đọc lại bài học *Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hóa ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.*  + Hoàn thành bài tập phần Vận dụng.  + Đọc trước *Bài 5 – Đền Hùng và lễ giỗ tổ Hùng Vương* (SHS tr.25). | - HS Trả lời.  -HS lắng nghe  - HS thảo luận theo nhóm.  - Đại diện các nhóm trình bày.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS thực hành theo nhóm.  - Các nhóm trả lời.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - Đại diện các nhóm trình bày.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS xem video.  - HS xem video.  - HS chia thành các đội chơi.  - HS lắng nghe.  - HS chơi trò chơi.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS trả lời câu hỏi.  - Đại diện các nhóm trình bày.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lựa chọn bài tập.  - HS thực hành theo nhóm.  - HS lắng nghe GV gợi ý.  - HS trả lời  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS tiếp thu, thực hiện. |

**Điều chỉnh - Bổ sung**

…………………………………………………………………………………………….......

………………………………..……………………………………………………………….

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Buổi chiều:**

Tiết 1:KHOA HỌC

**Bài 7: Ôn tập chủ đề chất**

**I. Yêu cầu cần đạt**

**1. Năng lực đặc thù**

Sau bài học:

- HS củng cố, khái quát hoá và đánh giá được một số kiến thức, kĩ năng của chủ đề Chất.

***2. Năng lực chung:***

- Năng lực tự chủ và tự học: HS biết tự tìm kiếm, chuẩn bị và lựa chọn tài liệu, phương tiện học tập trước giờ học, quá trình tự giác tham gia và thực hiện các hoạt động học tập cá nhân trong giờ học ở trên lớp,…

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Khả năng phân công và phối hợp thực hiện nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo: HS đưa ra các câu trả lời cho câu hỏi, bài tập xử lí tình huống, vận dụng kiến thức, kĩ năng của bài học để giải quyết vấn đề thường gặp.

***3. Phẩm chất:***

- Phẩm chất trung thực:Thật thà trong việc đánh giá bản thân và đánh giá bạn.

- Phẩm chất trách nhiệm:Có ý thức tự giáctrong học tập, biết chăm sóc, bảo vệ môi trường nước và môi trường không khí.

**II. Đồ dùng dạy học:**

**-** Hình sơ đồ trong bài 7 SGK.

***-*** Một số tranh ảnh sưu tầm về ô nhiễm môi trường và ô nhiễm môi trường không khí.

**III.Các hoạt động dạy học:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | | **Hoạt động của học sinh** |
| ***1. Hoạt động mở đầu:*** | | |
| - GV cho HS hát.  - GV tổ chức cho HS thi đua tìm những câu hát, câu thơ hoặc câu đố, ... có liên quan đến các nội dung đã được học ở chủ đề Chất.  Ví dụ: Bài hát: "Cho tôi đi làm mưa với", "Trái Đất này là của chúng mình", " Điều đó tuỳ thuộc hành động của bạn",...  - GV nhận xét tuyên dương.  - GV kết nối kiến thức dẫn dắt vào bài học: " Ôn tập chủ đề Chất". | | - HS hát.  - HS thi đua đưa ra câu hát, câu thơ hoặc câu đố được học về chủ đề Chất.  - HS lắng nghe, nhận xét.  - HS ghi tựa bài. |
| ***2. Hoạt động hình thành kiến thức***  ***Hoạt động 1: Sơ đồ hoá.*** | | |
| - GV chia lớp thành các nhóm nhỏ, yêu cầu HS tham khảo sơ đồ gợi ý trong SGK trang 33 để vẽ hoặc viết những điều đã học được từ chủ đề Chất.  **Chất**  **Không khí**  **Nước**  **?**  **?**  **?**  **Tính chất?**  - GV hướng dẫn, HS nhớ lại các kiến thức cốt lõi đã học được qua chủ đề Chất.  - GV yêu cầu HS làm việc nhóm để hoàn thành sơ đồ trên giấy khổ lớn.  + Nước có tính chất gì? Sự chuyển thể của nước?  + Nêu vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên?  + Không khí có tính chất gì? Theo em không khí có ở đâu?  + Không khí gồm những thành phần nào?  - Các nhóm treo đính bài làm của lên bảng.  - GV mời đại diện các nhóm lên chia sẻ kết quả của nhóm mình.  - GV nhận xét, tuyên dương.  \* Lưu ý: GV khuyến khích HS sử dụng kĩ năng vẽ, viết bằng sơ đồ tư duy theo các cách sáng tạo khác nhau để HS có sản phẩm vừa khái quát được các kiến thức cốt lõi của chủ đề Chất vừa có tính thẩm mĩ.  - GV chốt ý. | - HS quan sát, lắng nghe.  - HS theo dõi, lắng nghe.  - HS thảo luận nhóm hoàn thành sơ đồ  + Nước có thể tồn tại ở ba thể: rắn, lỏng, khí  + Nước có thể chuyển từ thể này sang thể khác  + Vòng tuần hoàn hoàn của nước trong tự là: bay hơi, ngưng tụ, nóng chảy, đông đặc  + Không khí có khắp mọi nơi và trong những chỗ rỗng của vật.  + Không khí có ở trong nước và đất  + Trong suốt, không màu, không mùi, không vị, không có hình dạng nhất định.  + Có thể bị nén lại hoặc dãn ra.  + Không khí gồm những thành phần: khí ô-xi, ni-tơ, các-bo-nic  + Có thể chứa bụi và hơi nước  + Cần cho sự cháy  - Các nhóm đính bài làm của nhóm.  - Đại diện các nhóm lên trình bày.  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - HS lắng nghe, nhắc lại. | |
| ***Hoạt động 2: Em tập làm nhà khoa học.*** | | |
| - GV chia lớp thành các nhóm nhỏ, yêu cầu nhóm trưởng phân công từng thành viên trong nhóm thực hiện nhiệm vụ theo nội dung hướng dẫn ở mục 2 trong SGK trang 33.  - HS thảo luận nhóm và hoàn thành phiếu điều tra trên giấy khổ A4  - GV mời đại diện của một số nhóm lên chia sẻ kết quả điều tra.  - GV nhận xét, tuyên dương nhóm làm tốt.  - GV tổ chức cho từng thành viên trong nhóm chia sẻ về các nội dung:  + Tình trạng ô nhiễm nước, không khí và sức khoẻ con người.  + Những thói quen không tốt dẫn đến ô nhiễm môi trường.  + Những việc nên làm để bảo vệ môi trường nước, không khí và sức khoẻ con người.  - GV mời đại diện của một số nhóm lên thuyết trình, đóng vai nhà khoa học tuyên truyền mọi người chung tay bảo vệ môi trường.  - GV nhận xét, trao đổi.  - GV khen ngợi các nhóm có nội dung tuyên truyền sáng tạo; thuyết trình tự tin, lưu loát.  \* **GV *kết luận***: Không khí bị ô nhiễm do nguyên nhân tự nhiên (cháy rừng, núi lửa,...) và nhân tạo (các hoạt động sinh hoạt của con người, sản xuất,...). Ô nhiễm không khí gây ra nhiều hậu quả cho con người, động vật và thực vật. Để bảo vệ môi trường không khí, chúng ta cần: trồng nhiều cây xanh; không đổ rác bừa bãi, xử lí rác thải đúng quy định; sử dụng phương tiện giao thông công cộng;...  + Có nhiều nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước. Nước bị ô nhiễm có màu lạ, có mùi hôi thối, làm lan truyền các dịch bệnh như thương hàn, tả, kiết lị, đau mắt,...; huỷ hoại nơi sống và đời sống của các sinh vật. Để bảo vệ nguồn nước, chúng ta cần: sử dụng tiết kiệm nước, không xả rác ra ao, hồ, sông, suối,...; cải tạo và bảo vệ đường ống dẫn nước; xử lí nước thải khi xả ra môi trường,.. | - HS lắng nghe, chia nhóm 4 thảo luận  - HS thảo luận và hoàn thành phiếu điều tra vào giấy.  - Đại diện nhóm lên chia sẻ kết quả.  - Các nhóm lắng nghe, nhận xét.  - HS chia sẻ.  \* Tình trạng:  + Ao, hồ bị nhiễm bẩn, ác thải vứt bừa bãi, ...  + Khí thải được xả trực tiếp ra môi trường.  + Sương mù, khói bụi ngày càng dày đặc.  + Nguồn nước sạch ngày càng ít dần.  \* Thói quen không tốt:  + Vứt rác bừa bãi xuống sông, hồ, ao, suối  + Sử dụng nhiều phương tiện cá nhân lưu thông trên đường  + Dùng than tổ ong, đốt rác thải nhựa, ...  \* Việc nên làm:  + Vứt rác đúng nơi quy định  - Hạn chế đốt các loại than tạo ra nhiều khí thải độc  - Không xả trực tiếp nước thải xuống ao, hồ, sông, suối.  - Đại diện nhóm lên thuyết trình, đóng vai nhà khoa học.  - HS nhận xét, bổ sung.  - HS lắng nghe. | |
| ***3. Hoạt động vận dụng:***  - GV đặt câu hỏi dẫn dắt để HS phất triển được năng lực quan sát và dánh giá tình trang môi trường nước, không khí ở địa phương; đề xuất một số biện pháp để cải thiện hoặc khắc phục tình trạng ô nhiễm.  ***4.* Đánh giá, tổng kết và định hướng hoạt động học tập tiếp theo** | - Thảo luận nhóm đôi.  - Đại diện các nhóm trình bày | |
| + Qua tiết học hôm nay, em biết được điều gì?  - GV nhận xét tiết học.  - GV dặn HS về chuẩn bị tiết sau. | - HS trả lời cá nhân.  - HS lắng nghe. | |

**Điều chỉnh - Bổ sung**

………………………………………………………………………………………………...

………………………………..……………………………………………………………….

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tiết 2: TIẾNG VIỆT (T)

**Luyện viết chính tả bài:Những hạt thóc giống**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Nghe - viết và trình bày đúng đoan văn bài**Những hạt thóc giống**đoạn 1 (*từđầu đến.... chẳng này mầm được*)bài viết không mắc quá 5 lỗi.

- Làm đúng bài tập chính tả phân biệt l/n.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: biết tự giải quyết nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết giới thiệu bài viết với cô giáo/thầy giáo và các bạn, biết trao đổi với bạn về các bài viết.

**3. Phẩm chất:**

**-** Giáo dục tính cẩn thận, chính xác, yêu thích chữ viết. Tính trung thực.

**II. Đồ dùng dạy học::**

- Bảng phụ, phiếu học tập.

**III. Các hoạt động dạy - học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt đông mở đầu:***(3p)*  - GV dẫn vào bài. | - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:***(6p)* | |
| a. Trao đổi về nội dung đoạn viết  - Gọi HS đọc bài viết.  - Yêu cầu thảo luận nhóm 2:  *+ Đoạn văn kể về điều gì?*  - Yêu cầu phát hiện những chữ dễ viết sai?  - GV đọc từ khó  *+ Lưu ý gì khi trình bày đoạn văn?* | - 2 học sinh đọc.  - HS thảo luận (2p) và báo cáo trước lớp  *- ...nối ngôi, ra lệnh, nộp, truyền ngôi, trừng phạt,....*  - Hs viết bảng con từ khó.  - 1 hs đọc lại bài viết. Cả lớp đọc 1 lần  *+ Chữ đầu tiên lùi 1 ô và viết hoa* |
| **3. Hoạt động thực hành thực hành:** *(15p)* | |
| 3.1. Nghe – viết  - GV nhắc nhở HS tư thế ngồi viết  - GV đọc bài cho HS viết, lưu ý HS đọc nhẩm các cụm từ để viết cho chính xác  - GV giúp đỡ các HS M1, M2 | - HS nghe - viết bài vào vở |
| - Cho học sinh tự soát lại bài của mình theo.  - GV nhận xét, đánh giá 5 - 7 bài  - Nhận xét nhanh về bài viết của HS | - Học sinh xem lại bài của mình, dùng bút chì gạch chân lỗi viết sai. Sửa lại xuống cuối vở bằng bút mực  - Trao đổi bài (cặp đôi) để soát hộ nhau  - Lắng nghe. |
| 3.2.Bài tập*(5p)* | |
| Tìm chữ trong đọan viết có phụ âm đầu l/n  - Gọi hs đọc phân biệt l/n  - Chữa bài, nhận xét.  **4. Hoạt động vận dụng** *(1p)*  Viết 5 tiếng, từ chứa l/n , gọi 1,2 HS lên bảng viết.  **5. Đánh giá, tổng kết và định hướng hoạt động học tập tiếp theo**  - Nhận xét giờ học  - GV yêu cầu HS về nhà xem lại bài.  - GV yêu cầu HS chuẩn bị nội dung tiết học tiếp theo. | - Làm bài cá nhân – Chia sẻ cặp đôi – Lớp  - Vài HS đọc bài làm  - HS tự viết vào vở, đổi chéo bài tự kiểm tra nhau  HS lắng nghe |

**Điều chỉnh - Bổ sung**

………………………………………………………………………………………………...

………………………………..……………………………………………………………….

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tiết 3: HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

**Hoạt động giáo dục theo chủ đề: Cảm xúc của em.**

**I. Yêu cầu cần đạt**

**1. Kiến thức**

*Sau bài học này, HS sẽ:*

- Nhận diện được khả năng điều chỉnh cảm xúc và suy nghĩ của bản thân trong một số tình huống đơn giản.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

*-Năng lực giao tiếp, hợp tác:* khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.

*- Năng lực tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.

*- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

***Năng lực riêng:***

-Cùng chơi *Thể hiện cảm xúc.*

- Chia sẻ cảm xúc của em.

**3. Phẩm chất**

*- Tự tin, trách nhiệm:* tự tin thể hiện và điều chỉnh cảm xúc của bản thân,có ý thức tự giác; tinh thần trách nhiệm trong hoạt động nhóm.

**II. Đồ dùng dạy học:**

-Giấy, bút, bút màu,...Thẻ để thể hiện cảm xúc của bản thân trên lớp.

**III.Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của gv** | **Hoạt động của hs** |
| **1. Hoạt động mở đầu**  - GV mở cho học sinh nghe bài hát Gọi tên cảm xúc:  [Bài hát | Gọi tên cảm xúc | AnNa - YouTube](https://www.youtube.com/watch?v=IiBQACx_qck)  - GV đặt câu hỏi: *Bài hát đã gửi tới các em thông điệp gì?*  - GV mời 2 – 3 HS trả lời câu hỏi.  - GV nhận xét, chốt đáp án*: Bài hát đã diễn tả những tâm trạng cảm xúc khác nhau thông qua các hiện tượng thời tiết.*  - GV tổng kết và dẫn dắt vào bài học.  **2. Hoạt động hình thành kiến thức**  **Hoạt động 1: Cảm xúc của em.**  - GV chuẩn bị các tấm thẻ có nội dung là những tình huống thường gặp tương ứng với các trạng thái cảm xúc: vui vẻ, hào hứng, tức giận,...  - GV chia lớp thành nhóm 4 – 6 người.  - GV phổ biến cách chơi Cùng chơi thể hiện cảm xúc như sau:  + Đại diện các đội lên chơi bốc thăm một tấm thẻ và thể hiện cảm xúc phù hợp với tình huống được ghi trong tấm thẻ.  + Ở trong tấm thẻ có nội dung là các tình huống thường gặp tương ứng với các trạng thái cảm xúc:  *-Tình huống 1: Em được bố tặng 1 cuốn sách mà em đã thích từ lâu.*  *- Tình huống 2: Trong lúc trêu đùa, bạn Dũng vô tình làm rách trang vở của em.*  *- Tình huống 3: Em nhận được tin mình không được chọn vào đội tuyển Cờ vua của trường.*  - GV tổ chức cho HS cùng chơi *Thể hiện cảm xúc.*  - GV mời một số HS nhận xét phần thể hiện cảm xúc và chia sẻ cảm nghĩ sau khi tham gia trò chơi.  - GV đặt câu hỏi tương tác với HS:  + Theo em, phần thể hiện cảm xúc của bạn đã phù hợp với tình huống được đưa ra chưa?  + Em thấy phần thể hiện cảm xúc của bạn nào là phù hợp với tình huống nhất?  - GV tổng kết hoạt động và đưa kết luận: *Có rất nhiều tình huống nảy sinh trong cuộc sống hàng ngày ở nhà, ở trường, ở cộng đồng. Các em hãy có những thể hiện cảm xúc phù hợp với mỗi tình huống.*  **Hoạt động 2: Chia sẻ cảm xúc của em.**  - GV chia lớp thành các nhóm.  - GV tổ chức cho HS chia sẻ trong nhóm theo các nội dung sau:  *+ Suy nghĩ về tình huống mình nhớ nhất trong một tuần gần đây.*  *+ Chia sẻ lại tình huống đó với các bạn.*  *+ Mô tả cảm xúc và suy nghĩ của bản thân trong tình huống đó.*  *+ Đề xuất cách điều chỉnh cảm xúc, suy nghĩ của bản thân cho phù hợp trong tình huống đó.*  - GV mời 1 số HS chia sẻ trước lớp theo các nội dung trên.  - GV mời một số HS nhận xét câu trả lời của bạn.  - GV tổng kết hoạt động và đưa ra kết luận  **3. Hoạt động vận dụng**  - Nêu những tình huống trong cuộc sống  - GV hướng dẫn HS về nhà hỏi ý kiến người thân về cách điều chỉnh cảm xúc và suy nghĩ trong những tình huống hàng ngày.  **4. Đánh giá, tổng kết và định hướng hoạt động học tập tiếp theo**  - Tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  - GV nhắc nhở HS:  + Ôn lại các kiến thức đã học hôm nay.  + Trò chuyện với người thân về những khảo sát và đánh giá của nhóm em hoặc của các nhóm khác trong lớp về thực trạng cảnh quan của trường học. | - HS quan sát video về việc làm đáng tự hào của bạn nhỏ.  - HS lắng nghe câu hỏi.  - HS trả lời câu hỏi.  - HS lắng nghe và tiếp thu.  - HS lắng nghe  - HS giữ trật tự lớp  - HS chia thành các nhóm.  - HS lắng nghe.  - HS tham gia trò chơi.  - HS chia sẻ trước lớp. HS khác lắng nghe.  - HS lắng nghe, trả lời.  - HS lắng nghe.  - HS chia sẻ các tác phẩm trước lớp.  - HS thực hiện theo hướng dẫn.  - Bộc lộ cảm xúc phù hợp  - HS chia sẻ trước lớp.  - HS lắng nghe và nhận xét câu trả lời của bạn.  - HS lắng nghe.  - HS vỗ tay tuyên dương những bạn làm tốt và động viên những bạn còn nhút nhát.  - HS lắng nghe. |

**Điều chỉnh - Bổ sung**

…………………………………………………………………………………………….......

………………………………..……………………………………………………………….

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Thứ năm ngày 24 tháng 10 năm 2024

**Buổi sáng:**

Tiết 1: TIẾNG VIỆT

**Nói và nghe: Kể chuyện: Cô bé ham đọc sách**

**I. Yêu cầu cần đạt**

Sau bài học này, học sinh sẽ:

**1. Phát triển các năng lực đặcthù:**

***1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ:***

- Dựa vào lời kể của GV và gợi ý SGK, kể lại được câu chuyện Cô bé ham đọc sách.

- Lắng nghe bạn kể, biết ghi vắn tắt thắc mắc, nhận xét; phát biểu đánh giá lời kể của bạn.

- Biết trao đổi cùng bạn về nội dung câu chuyện, hiểu ý nghĩa của câu chuyện.

***1.2. Phát triển năng lực văn học:***

- Biết bày tỏ sự yêu thích các chi tiết thú vị trong câu chuyện.

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất:**

- Biết kể chuyện và trao đổi cùng các bạn chủ động, tự nhiên, tự tin. Bồi dưỡng ý thức ham học, ham đọc.

**II. Đồ dùng dạy học:**

-GV chuẩn bị: Máy chiếu, máy tính.

## III. Các hoạt động dạy học:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động mở đầu:** | |
| - Cho HS chơi trò chơi: “Tiếp sức”  + Luật chơi: Có 2 đội chơi, mỗi đội có 4 người chơi. Trong vòng 2p, đội nào kể được nhiều cuốn sách em đã đọc nhất thì đội đó dành chiến thắng.  - GV khen ngợi HS chăm chỉ, ham đọc sách  - GV giới thiệu bài: Trong tiết luyện nói và nghe hôm nay, các em sẽ nghe câu chuyện về một cô bé ham đọc sách. Sau đó, chúng ta sẽ cùng nhau trao đổi về nhân vật cô bé trong câu chuyện để hiểu điều gì đã góp phần giúp cô bé ham đọc sách ấy về sau trở thành một nhà bác học nổi tiếng. | - HS lắng nghe cách chơi  - HS chơi trò chơi  - HS lắng nghe |
| **2.Hình thành kiến thức:** | |
| **Hoạt động 1: Nghe kể chuyện**  - GV cho HS xem tranh và nghe GV kể hoặc chiếu video.  - GV kể lần 1, kết hợp giải nghĩa từ khó  - GV kể lại lần 2, lần 3.  **Hoạt động 2: Kể chuyện**  ***2.1. Kể chuyện trong nhóm***  - GV chia lớp thành nhóm 4 HS, yêu cầu HS kể chuyện  - GV theo dõi, giúp đỡ HS  ***2.2. Kể chuyện trước lớp***  *- GV mời 2-3 nhóm kể toàn bộ (hoặc một đoạn) câu chuyện.*  - GV mời HS khác lắng nghe, ghi vấn tắt nhận xét và góp ý.  ***2.3. Trao đổi về câu chuyện***  *- GV chia lớp thành nhóm 4 bạn, đọc và trả lời các câu hỏi:*  *+ Những chi tiết nào cho thấy Ma-ri Quy-ri từ nhỏ rất ham đọc sách?*  *+ Theo em, sự đam mê đọc sách đã góp phần vào thành công của nhà bác học Ma-ri Quy-ri như thế nào?*  - GV mời các nhóm lắng nghe, ghi lại nhận xét vắn tắt về ý kiến của nhóm bạn.  - GV mời HS đặt câu hỏi, góp ý và nêu ý kiến của mình về câu chuyện.  - GV tổng kết | - HS nghe câu chuyện.  - HS nghe – quan sát tranh và đọc thầm lại các câu hỏi gợi ý dưới tranh.  - Nghe lại.  **- Nhóm – Kỉ thuật mảnh ghép**  - HS kể chuyện theo nhóm 4  - Các nhóm kể toàn bộ câu chuyện.  - HS nhận xét  - Các nhóm đọc câu hỏi, thảo luận và trả lời  + Hằng ngày, cứ tan học là cô trốn biệt vào một góc phòng khách, say sưa đọc.  Mải mê đọc đến mức không nghe thấy mấy anh chị em gọi. Ham đọc đến mức mấy anh chị xếp ghế xung quanh mà không biết. Ngồi im đọc sách suốt 2 tiếng đồng hồ. Ghế đổ, chỉ cười rồi lại cầm cuốn sách sang phòng khác, lặng lẽ đọc tiếp.  + Sự ham mê đã tạo nên thói quen đọc sách và tập trung suy nghĩ ở Ma-ri Quy-ri, giúp bà sau này trở thành một nhà bác học nổi tiếng.  - HS lắng nghe  - HS đặt câu hỏi, góp ý.  - HS lắng nghe |
| **3. Hoạt động vận dụng** | - Kể lại được câu chuyện cho người thân nghe. |
| **4. Đánh giá, tổng kết và định hướng hoạt động học tập tiếp theo**  - GV nhận xét tiết học, khen ngợi, biểu dương học sinh  - GV hướng dẫn HS chuẩn bị *bài Những trang sách tuổi thơ* | - Lắng nghe |

**Điều chỉnh - Bổ sung**

………………………………………………………………………………………………..

………………………………..……………………………………………………………….

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tiết 2: TIẾNG VIỆT

**Bài đọc 2: Những trang sách tuổi thơ**

**I. Yêu cầu cần đạt**

Sau bài học này, học sinh sẽ:

**1. Phát triển các năng lực đặcthù:**

***1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ:***

- Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ có âm, vần, thanh mà HS địa phương dễ viết sai. Ngắt nghỉ hơi đúng theo dòng thơ, nhịp thơ và theo nghĩa. Tốc độ: 80 -85 tiếng/phút.

- Hiểu nghĩa của các từ ngữ trong bài (từ ngữ khó: rương, hớt tóc, ý niệm). Biết tóm tắt ý của mỗi đoạn văn. Hiểu ý nghĩa của bài: nói lên ảnh hưởng của sách trong việc bồi dưỡng tâm hồn và nhận thức của tuổi thơ.

***1.2. Phát triển năng lực văn học:***

- Biết tên một số tác phẩm

+ Các truyện dân gian Việt Nam: Tấm Cám, Thạch Sanh, Cây tre trăm đốt.

+ Các truyện nước ngoài: Tây Du Kí,…

+ Biết chai sẻ với cảm xúc, tưởng tượng của tác giả khi đọc sách.

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất:**

- Phát triển năng lực (NL) giao tiếp và hợp tác (biết cùng các bạn thảo luận, trao đổi nhóm khi luyện đọc và trả lời câu hỏi); NL tự chủ và tự học (biết giải quyết nhiệm vụ học tập).

- Góp phần củng cố lòng ham mê đọc sách để nâng cao hiểu biết và bồi dưỡng tâm hồn.

**II. Đồ dùng dạy học:**

– GV chuẩn bị: Máy chiếu, máy tính.

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động mở đầu:** | |
| - GV tổ chức trò chơi “Ai nhanh ai đúng”  Luật chơi: GV chiếu hình và HS đoán xem đây là truyện nào?  Câu 1:  Câu 2:  Câu 3:  Câu 4:  Tây du ký 1986 ngốn chi phí lên tới hơn 3 tỷ đồng mỗi tập  - GV khen ngợi HS trả lời đúng.  - GV giới thiệu bài: Các em đã biết nhiều câu chuyện, bài thơ, bài văn về đọc sách. Hôm nay, chúng ta sẽ đọc một bài văn, trong đó tác giả nhớ lại những quyển sách đầu tiên đã đến với tuổi thơ của mình như thế nào và chúng đêm lại những gì cho tuổi thơ của tác giả. | - HS lắng nghe cách chơi  - Truyện “Tấm Cám”  - Truyện “Cây tre trăm đốt”  - Truyện “Nàng bạch tuyết và bảy chú lùn”  - Truyện “Tây du kí”  - HS lắng nghe |
| **2. Hình thành kiến thức:**  **Hoạt động 1: Đọc thành tiếng** | |
| - GV đọc mẫu: Giọng đọc thể hiện sự hào hứng, tha thiết.  - GV giải nghĩa từ khó và những từ ngữ khác.  - GV tổ chức cho HS luyện đọc | - HS lắng nghe  - HS lắng nghe  - HS đọc |
| **Hoạt động 2: Đọc hiểu** | |
| - GV chia lớp thành nhóm đôi, yêu cầu HS đọc câu hỏi và thảo luận nhóm.  *+ Bài đọc trên là lời kể của ai?*  *+ Tóm tắt nội dung mỗi đoạn văn*  *­*  *+ Bạn nhỏ trong bài học cố gắng học chữ để làm gì, kết quả thế nào?*  - GV yêu cầu HS chia sẻ với bạn:  + Những điều em đã trải qua giống như nhân vật trong bài đọc trên.  + Những điều em có thể học hỏi từ nhân vật trong bài đọc trên.  - GV mời HS nhận xét sau mỗi câu trả lời và nêu ý kiến của mình. | + Bài đọc là lời kể của tác giả xưng tôi, vốn là một câu bé rất ham đọc sách.  + Đoạn 1: Những câu chuyện đầu tiên  Đoạn 2: Học chữ để đọc sách  Đoạn 3: Ham mê đọc sách  Đoạn 4: Khóc cười qua trang sách  + Bạn nhỏ cố gắng học chữ để đọc truyện. Kết quả, bạn nhỏ đọc được rất nhiều truyện hay, thấy mình được mở rộng hiểu biết và bồi dưỡng tâm hồn qua những trang sách đó.  + HS trả lời  + Em học hỏi được sự ham mê đọc sách của nhân vật trong bài đọc.  - HS nhận xét, nêu ý kiến. |
| **Hoạt động 3: Luyện đọc nâng cao** | |
| - Yêu cầu HS nêu giọng đọc toàn bài.  - GV hướng dẫn cách nghỉ hơi ở các câu dài, nhấn mạnh các từ ngữ quan trọng.  + Từ khi nghe chú tôi mách / những câu chuyện đó và **vô số** những câu chuyện tương tự / được viết trong các **cuốn sách**, / tôi cố gắng học chữ / để có thể **tự mình** khám phá thế giới **kì diệu** kia.  + Tôi **khóc cười** qua những trang sách, / ngạc nhiên thấy mình trải qua những **cảm xúc** / mà trên thực tế / tôi chưa đủ lớn để **trải nghiệm** ngoài đời.  + Sách đã bồi đắp **tâm hồn**, / làm giàu có / và làm trưởng thành **tình cảm** một đứa bé, / mài sắc một cách tự nhiên / các ý niệm đạo đức / qua sự **yêu ghét** với người hiền / kẻ ác / và đặc biệt / mở rộng đến **vô biên** / bờ cõi của **trí tưởng tượng.**  - GV nhận xét, đánh giá chung   * GV yêu cầu HS luyện đọc theo nhóm. * GV mời các nhóm thi đọc.   - GV mời các nhóm nhận xét.  - GV nhận xét tuyên dương. | - HS nêu lại giọng đọc cả bài  - HS lắng nghe  - HS luyện đọc  - HS thi đọc  - HS nhận xét  - HS lắng nghe |
| **3. Hoạt động vận dụng**  - GV mời HS lên góc đọc của lớp chọn 1 câu chuyện em yêu thích.  - Gv yêu cầu HS chia sẻ câu chuyện em đã đọc với bạn.  - GV mời HS chia sẻ về điều em thích nhất trong câu chuyện.  **4. Đánh giá, tổng kết và định hướng hoạt động học tập tiếp theo**  - Nhận xét tiết học  - Dặn dò chuẩn bị bài về nhà: *Luyện tập tả cây cối.* | - HS chọn truyện  - HS chia sẻ với bạn  - HS chia sẻ trước lớp  - HS lắng nghe |

**Điều chỉnh - Bổ sung**

………………………………………………………………………………………………..

………………………………..……………………………………………………………….

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tiết 3: TOÁN

**Hai đường thẳng song song. Vẽ hai đường thẳng song song (Tiết 2)**

**I. Yêu cầu cần đạt**

**1. Năng lực đặc thù**:

− Thực hành nhận dạng, mô tả đặc điểm của hai đường thẳng song song.

− Thực hành kiểm tra, vẽ, chứng minh được hai đường thẳng song song, kể được 2 đường thẳng song song trong thực tế.

**2. Năng lực chung:**

-Năng lực tự chủ và tự học: HS chủ động xây dựng kế hoạch học tập, giải quyết được cách xác định hai đường thẳng song song với nhau, vẽ được đường thẳng song song với đường thẳng cho trước.

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: HS biết trao đổi, thảo luận, chia sẻ với giáo viên và bạn bè vể đặc điểm của hai đường thẳng song song, cách vẽ hai đường thẳng song song.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các đặc điểm về hai đường thẳng song song để làm bài tập, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.HS có kĩ năng dùng ê ke.

**3. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ: Chăm học, ham học, có tinh thần tự học;

-Trung thực: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ học tập.

- Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú, say mê các con số để giải quyết bài toán.

**II. Đồ dùng dạy học :** Ê ke, thước kẻ

**III. Các hoạt động dạy chủ yếu**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 1. **Hoạt động mở đầu**.  Tổ chức trò chơi “ *Ong đi tìm hoa*” | |
| - Hướng dẫn cách chơi: Có 5 chú ong mang theo hình ảnh; có 3 bông hoa ghi tên của các góc (góc vuông, góc nhọn, góc tù), 2 bông hoa ghi đường thẳng song song, đường thẳng không song song.  - Các em là hãy giúp chú ong tìm đúng bông hoa có đúng tên góc, tên đường thẳng của mình nhé!   |  | | --- | | Góc nhọn Góc tù Góc vuông | | Đường thẳng không song song. Đường thẳng song song |   - Hãy nêu đặc điểm của hai đường thẳng song song.  GV nhận xét, đánh giá, chốt lại đặc điểm của hai đường thẳng song song.  Giới thiệu bài. | **Hoạt động cả lớp**  -HS lắng nghe.  - HS tham gia chơi 2 đội, mỗi đội 2 HS.  -HS dưới lớp cổ vũ, nhận xét, đánh giá.  -HS trả lời câu hỏi, các bạn khác nhận xét. |
| 2. **Hoạt động hình thành kiến thức mới**. | |
| *Bài 3:* Thực hành vẽ đường thẳng song song (theo mẫu).  - Yêu cầu HS nêu yêu cầu bài 3 ( Mẫu- như SGK) . Thảo luận nhóm đôi cách vẽ đường thẳng CD đi qua điểm E và song song với đường thẳng AB.  - GV vừa hướng dẫn, vừa làm mẫu trên bảng từng bước bước vẽ.  + Bước 1: Đặt ê ke sao cho một cạnh của êke nằm trên đường thẳng AB, cạnh còn lại đi qua E, trên đó chọn điểm M.  + Bước 2: Kẻ đường thẳng EM  + Bước 3: Đặt ê ke sao cho một cạnh của ê ke nằm trên đường thẳng EM. Trên cạnh còn lại đi qua E, trên đó chọn điểm D.  + Bước 4: Dùng thước thẳng kẻ đường thẳng ED.  Ta được đường thẳng CD đi qua điểm E và song song với AB.  *Lưu ý HS:* Trong trường hợp điểm E nằm trên đường thẳng AB, cách vẽ cũng tương tự như trên.  - Yêu cầu HS vẽ đường thắng qua điểm A và song song với đường thẳng BC trong mỗi trường hợp (SGK- tr55)  -HS kiểm tra, đánh giá.  \*Để vẽ được 2 đường thẳng song song, em cần lưu ý điều gì?  **Kết luận**: Các bước vẽ hai đường thẳng song song:  + Bước 1: Đặt ê ke sao cho một cạnh của êke nằm trên đường thẳng AB, cạnh còn lại đi qua E, trên đó chọn điểm M.  + Bước 2: Kẻ đường thẳng EM  + Bước 3: Đặt ê ke sao cho một cạnh của ê ke nằm trên đường thẳng EM. Trên cạnh còn lại đi qua E, trên đó chọn điểm D.  + Bước 4: Dùng thước thẳng kẻ đường thẳng ED.  Ta được đường thẳng CD đi qua điểm E và song song với AB. | **Hoạt động nhóm đôi**  -HS đọc đề xác định yêu cầu, thảo luận nhóm đôi cách vẽ đường thẳng CD đi qua điểm E (điểm E không nằm trên đường thẳng AB ) và song song với đường thẳng AB.  - Điện nhóm chia sẻ trước lớp.  -HS quan sát, ghi nhớ cách vẽ.  - HS sử dụng thước thẳng và ê- ke, thực hiện bài làm trên phiếu bài tập theo hướng dẫn của GV.  Một vài HS chia sẻ sản phẩm trước lớp, nêu cách vẽ của mình. Lớp nhận xét.  -HS đổi phiếu cho bạn kiểm tra.  \*HS trả lời: Nắm được đặc điểm của 2 đường thẳng song song. Nhớ được 4 bước vẽ hai đường thẳng song song.  - HS đọc KL 4 bước vẽ hai đường thẳng song song. |
| 3. **Hoạt động thực hành, luyện tập**. | |
| **Bài 4:** Gọi HS nêu yêu cầu bài tập.  a) GVHD: Ta thấy góc đỉnh A là góc vuông tức là cạnh BA vuông góc với cạnh AC, để vẽ đường thẳng BX đi qua đỉnh B song song với cạnh AC thì chúng ta chỉ cần vẽ đường thẳng BX như thế nào?  - Cho HS làm phiếu bài tập, chia sẻ trước lớp.  - GV nhận xét  b) HS làm tương tự:  Để vẽ đường thẳng CY vuông góc với cạnh AC thì ta được đường thẳng CY đi qua đỉnh C và song song với cạnh AB.  Đặt êke sao cho đỉnh góc vuông của êke trùng với đỉnh C. Cạnh góc vuông thứ nhất của êke nằm trên cạnh AC.  Trên cạnh góc vuông thứ 2 của êke lấy điểm Y.  Kẻ đường thẳng đi qua 2 điểm C và Y ta vẽ được đường thẳng CY đi qua đỉnh C và song song với cạnh AB.  - Qua bài tập 4, em học tập được gì? | **Hoạt động nhóm đôi**  - 1 HS đọc yêu cầu:  -HSTL: để vẽ đường thẳng BX đi qua đỉnh B song song với cạnh AC thì chúng ta chỉ cần vẽ đường thẳng BX vuông góc với đường thẳng AB.  - HS thực hành trên phiếu bài tập. - HS chia sẻ sản phẩm trước trước lớp. Lớp nhận xét.  - Phần b, tiến hành tương tự phần a  HS thảo luận nhóm 2 làm bài, cử đại diện nêu kết quả cách làm. Lớp nhận xét, bổ sung.  -HS chia sẻ: Biết cách vẽ đường thẳng song song với một đường thẳng cho trước. |
| **Bài 5:**  - Em hiểu thế nào là lược đồ?  - HS quan sát lược đồ cho biết 2 đường phố nào song song với nhau?  Các cặp đường phố song song với nhau:  Cặp 1: Đường Pasteur và Nam kì Khởi Nghĩa  Cặp 2: Lê Duẩn và Hàn Thuyên  Cặp 3: Hàn Thuyên và Nguyễn Du  Cặp 4: Lê Duẩn và Nguyễn Du  b) GV gợi ý: Hải sẽ đi theo đường Lê Duẩn rồi đến đường Nam Kì khởi nghĩa thì Dinh Thống Nhất nó nằm trên đường Nam Kì Khởi Nghĩa. Ở đây chúng ta chỉ cần nêu đi theo những đường phố nào thôi còn cụ thể rẽ phải, rẽ trái không cần phải nêu  Như vậy Hải có thể đi theo những đường phố sau:  Cách 1: Đi theo đường Lê Duẩn => Nam Kì KN  Cách 2: Đi theo đường Hàn Thuyên => Nam Kì KN  Không ai đi xuống tận đường Nguyễn Du => Nam Kì KN mới vòng lại. không ai đi xa như vậy ta chỉ đi theo 1 trong 2 cách trên thôi.  *Liên hệ*: Trên đường đi học từ nhà tới trường, em có những đường nào song song với nhau. Em hãy kể tên các con đường đó.  - Bài tập 5 giúp em điều gì? | **Hoạt động nhóm 4**  - HSTL: Lược đồ là bản đồ được lược bớt chỉ giữ lại những chi tiết chính người ta gọi là lược đồ.  - HS đọc đề, thảo luận nhóm 4 và làm bài.  - Một vài nhóm chia sẻ kết quả trước lớp.  HS nhận xét, đánh giá.  - Một số HS chia sẻ trước lớp.  - Biết cách tìm đường đi gần nhất đến địa điểm cho trước . |
| **4. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm** | |
| **Bài 6:** Quan sát hình vẽ rồi nêu nhận xét:  a) Cánh cửa này có bị lệch không?  GV nhận xét, chốt kết quả, khen các nhóm.  **Chốt:** Cánh cửa không bị lệch vì góc của cánh cửa là góc vuông, góc của khung cửa cũng là góc vuông (chú thợ đã kiểm tra)  Bức tranh lúc đầu treo lệch sau đó được chỉnh lại nhờ 2 thước kẻ song song và có chiều cao bằng nhau.  - Hãy đưa ra phương án để chỉnh bức tranh sao cho cân.  - GV đánh giá cách làm của HS, chốt phương án đúng.  Cách chỉnh: Ta chọn 2 điểm ở cạnh dưới của bức tranh sau đó dùng 2 thước kẻ đo từ vị trí đánh dấu xuống nền nhà 2 đoạn này phải dài bằng nhau và song song với nhau thì bức tranh lúc đầu bị treo lệch được chỉnh lại nhờ 2 thước kẻ song song và có chiều cao bằng nhau.  b) Hãy chỉ ra hình ảnh của hai đường thẳng song song với nhau có trong thực tế mà em biết**.**  **5. Đánh giá, tổng kết và định hướng hoạt động học tập tiếp theo**  - Bài học hôm nay, em học được những gì?  -Nhận xét tiết học.  - Dặn HS chuẩn bị bài 23: *Luyện tập chung.* | **Hoạt động nhóm 4**  - HS thảo luận cách làm, đại diện nhóm báo cáo kết quả, tự nhận xét nhóm mình, gọi nhóm bạn nhận xét, chia sẻ ý kiến.  - HS trao đổi, thảo luận, bàn phương án chỉnh bức tranh.  Chia sẻ cách làm trước lớp.  - HS nêu hình ảnh 2 đường thẳng song song với nhau trên thực tế mà em biết như: các song cửa sổ, các cặp cạnh đối diện của mặt bàn, mặt bảng, hình vuông, hình chữ nhật,  - Học được cách vẽ hai đường thẳng song song và nhận biết được các đồ vật, hình ảnh có hai đường thẳng song song trong cuộc sống. |

**Điều chỉnh - Bổ sung**

………………………………………………………………………………………………...

………………………………..………………………………………………………………

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tiết 4: HOẠT ĐỘNG NGOẠI KHOÁ

***Giáo dục Chăm sóc mắt và phòng chống mù lòa: Bài 2: Cần làm gì để phòng tránh cận thịhọc đường?***

***(Có KHBD kèm theo)***

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

TiÕt 1**:**TIẾNG ANH

Giáo viên chuyên so¹n d¹y

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

TiÕt 2**:** GIÁO DỤC THỂ CHẤT

Giáo viên chuyên so¹n d¹y

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

TiÕt 3**:** ÂM NHẠC

Giáo viên chuyên so¹n d¹y

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

Thứ sáu ngày 25 tháng 10 năm 2024

**Buổi sáng:**

Tiết 1: TIẾNG VIỆT

**Luyện từ và câu: Dấu ngoặc kép**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

Sau bài học này, học sinh sẽ:

**1. Phát triển năng lực đặc thù:**

- Biết cách dùng dấu ngoặc kép để dánh dấu tên tác phẩm, tài liệu.

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất:**

- Phát triển năng lực (NL) giao tiếp và hợp tác (biết thể hiện rõ ràng suy nghĩ, cảm xúc của bản thân); NL tự chủ và tự học (tự hoàn thành nhiệm vụ học tập).

-Bồi dưỡng tính cẩn thận, cụ thể khi viết.

**II. Đồ dùng dạy học:**

GV chuẩn bị: Máy chiếu, máy tính.

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Hoạt động mở đầu** | |
| - GV chia lớp thành các nhóm 4 HS, thi kể tên các dấu câu đã học và tác dụng của dấu câu đó.  - GV giới thiệu bài, ghi bảng. | - HS chơi  - HS lắng nghe |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức** | |
| **Hoạt động 1. Phần nhận xét.**  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi và trả lời câu hỏi 1 và 2.  - GV mời đại diện các nhóm trả lời.  - GV mời các nhóm khác nhận xét, góp ý.  - GV nhận xét và nêu đáp án đúng:  + Các dấu ngoặc kép trong bài đọc đánh dấu các từ ngữ (tên truyện) sau: “Tấm Cám”; “Thạch Sanh” ; “Cây tre trăm đốt” ; “Đôi hài bảy dặm” ; “Tôn Ngộ Không” ; “Nghìn lẻ một đêm” ; “Không gia đình” ; “Những người khốn khổ”.  + Tác dụng của các dấu ngoặc kép trên: đánh dấu tên truyện bao quát hơn là các dấu ngoặc  kép dùng để đánh dấu tên tác phẩm.  **Hoạt động 2: Rút ra bài học**  - GV mời 2 HS đọc kết luận được đóng khung | - HS đọc câu hỏi và thảo luận nhóm đôi  - HS trả lời  - HS nhận xét  - HS lắng nghe  - HS đọc |
| **3. Hoạt động luyện tập***:* | |
| **Bài 1**:  - Gv mời 2 HS đọc BT 1.  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi  - Gv mời các nhóm báo cáo kết quả làm việc.  - GV mời các nhóm khác nhận xét, góp ý.  **Bài tập 2:**  - GV mời HS đọc bài tập.  - GV yêu cầu HS làm bài  - GV mời HS trả lời  - GV yêu cầu HS nhận xét, bổ sung  **Bài tập 3:**  - GV mời HS đọc bài tập.  - GV yêu cầu HS viết đoạn văn theo 1 trong 2 đề. | - HS đọc BT1  - HS thảo luận nhóm đôi  - HS báo cáo kết quả  - HS nhận xét  - HS đọc BT2  - HS làm bài  - HS trả lời  - HS nhận xét  - HS đọc BT3  - HS viết đoạn văn |
| **4. Hoạt động vận dụng**  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi sáng tạo một câu chuyện có sử dụng dấu ngoặc kép với các tác dụng đã học.  - GV mời các nhóm chia sẻ | - HS thảo luận nhóm, làm việc  - HS chia sẻ  - HS nhận xét |
| **5. Đánh giá, tổng kết và định hướng hoạt động học tập tiếp theo**  - GV mời HS nhận xét, GV nhận xét  - GV tuyên dương, khen ngợi | - HS lắng nghe |

**Điều chỉnh - Bổ sung**

………………………………………………………………………………………………

………………………………..……………………………………………………………..

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tiết 2: TIẾNG VIỆT

**Bài viết 2:Luyện tập tả cây cối**(Mở bài)

**I. Yêu cầu cần đạt:**

Sau bài học này, học sinh sẽ:

**1. Phát triển các năng lực đặcthù:**

***1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ:***

- Biết hai cách mở bài trực tiếp và gián tiếp; viết được đoạn mở bài cho bài văn tả cây cối.

***1.2. Phát triển năng lực văn học:***

- Viết được đoạn mở bài có ý nghĩa khái quát và có cảm xúc.

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất:**

- Phát triển năng lực (NL) NL giao tiếp và hợp tác (biết cách thảo luận nhóm để thực hiện nhiệm vụ học tập); NL tự chủ và tự học (tự viết được đoạn mở bài phù hợp cho bài văn tả cây cối).

- Bồi dưỡng tình yêu thiên nhiên.

**II. Đồ dùng dạy học:**

-Tranh ảnh một số cây cối.

## III. Các hoạt động dạy học:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động mở đầu:** | |
| - GV tổ chức cho HS hát bài hát: “Em yêu cây xanh”.  - GV giới thiệu bài | - HS hát  - HS lắng nghe |
| **2. Luyện tập:** | |
| **Hoạt động 1: Tìm hiểu cách mở bài (BT 1)**  - GV mời HS đọc câu hỏi 1 và 4 đoạn mở bài trong SGK.  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 để xếp các đoạn mở bài vào nhóm thích hợp.  - GV mời các nhóm báo cáo kết quả  - GV mời các nhóm khác nhận xét. | - HS đọc  - HS thảo luận nhóm 4 và thực hiện nhiệm vụ  - Nhóm báo cáo kết quả  - Nhóm khác nhận xét |
| **Hoạt động 2: Viết đoạn mở bài**  - GV mời HS viết đoạn mở bài  - GV quan sát, hỗ trợ HS  - GV mời một số HS đọc đoạn mở bài trước lớp  - GV mời HS nhận xét, góp ý  - GV nêu nhận xét, giúp HS hiểu cách viết mở bài | - HS viết đoạn mở bài  - HS đọc đoạn mở bài  - HS nhận xét, góp ý  - HS lắng nghe |
| **3. Hoạt động vận dụng**  - GV yêu cầu HS viết thêm mở bài cho 1 đoạn văn tả cây khác.  - GV mời HS chia sẻ trước lớp, HS khác nhận xét, góp ý.  - GV khen ngợi, tuyên dương, | - HS thực hiện viết  - HS chia sẻ trước lớp, HS khác nhận xét.  - HS lắng nghe. |
| **4. Đánh giá, tổng kết và định hướng hoạt động học tập tiếp theo**  - Khái quát nội dung bài. Nhận xét giờ học | - HS nghe. |

**Điều chỉnh - Bổ sung**

………………………………………………………………………………………………

………………………………..…………………………………………………………….

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tiết 3: TOÁN

**Luyện tập chung**

**I. Yêu cầu cần đạt**

**1.Năng lực đặc thù**:

- Củng cố kĩ năng nhận biết các góc (nhọn, bẹt, tù); hai đường thẳng song song, hai đường thẳng vuông góc.

- Thực hành vẽ được hai đường thẳng song song; hai đường thẳng vuông góc.

- Liên hệ kiến thức, kĩ năng về hình học trong đời sống.

**2. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ và tự học: HS chủ động xây dựng được kế hoạch học tập, nêu được các bước vẽ hai đường thẳng vuông góc.

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: HS biết trao đổi, thảo luận với giáo viên và bạn bè vể những kiến thức, cách nhận biết, thực hành đo đường thẳng vuông góc.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học về góc vuông để lấy được ví dụ cụ thể trong thực tế, giải quyết một số vấn đề thực tế liên quan đến các cặp đường thẳng vuông góc với nhau.

**3. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ: Chăm học, ham học, có tinh thần tự học;

- Trung thực: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ học tập.

- Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú, say mê các con số để giải quyết bài toán.

**II. Đồ dùng dạy học**

-Ê ke, thước kẻ có vạch chia xăng -ti- mét. Phiếu bài tập bài 3.

**III. Các hoạt động dạy chủ yếu**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 1. **Hoạt động mở đầu**.  Tổ chức trò chơi HS chơi trò chơi "*Vượt chướng ngại vật?"* | |
| - GV phổ biến luật chơi: Bạn Strum của chúng ta đang bị lạc đường và trên con đường về nhà có rất nhiều chướng ngại vật. Để tìm đường về nhà, bạn Strum của chúng ta phải trải qua 3 chướng ngại vật, mà mỗi chướng ngại vật thì tương đương với 1 câu hỏi. Các em cùng giúp đỡ bạn ấy nhé!  Câu 1: Để đo góc, người ta thường dùng loại thước nào?  Câu 2: Góc nào là góc vuông,góc nhọn,góc tù  Câu 3: Đây là hai đường thẳng song song hay hai đường thẳng vuông góc?  - GV dẫn dắt HS vào bài học: | **Hoạt động cả lớp**  - Cả lớp quan sát, chú ý lắng nghe và thực hiện theo yêu cầu.  HS quan sát hình và viết câu trả lời. |
| 2. **Hoạt động thực hành,luyện tập** | |
| **Bài 1:**  - GV yêu cầu HS đọc, tìm hiểu đề phần a    - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm đôi.  -Tổ chức HS làm việc nhóm đôi.  - Yêu cầu HS chia sẻ trước lớp.  - Gọi HS nhận xét, bổ sung, chữa bài.  - GV nhận xét, kết luận:  + Góc nhọn là: góc đỉnh O, cạnh OA, OD;  + Góc vuông là: góc đỉnh N, cạnh NM, NP.  + Góc Tù là: góc đỉnh I, cạnh IK, IH.  - GV yêu cầu HS đọc, tìm hiểu để, phần b/ | **Hoạt động nhóm đôi**  - HS đọc yêu cầu bài.  a/ Trong các góc sau, góc nào là góc nhọn, góc vuông, góc tù?  - HS làm việc nhóm, đại diện nhóm chia sẻ về: tên các góc.  - HS thao tác với ê ke nói cho bạn nghe cách dùng ê ke để nhận dạng góc.  - Đại diện nhóm HS chia sẻ trước lớp.  - HS nhận xét, bổ sung, chữa bài  -HS đọc yêu cầu phần b: Dùng thước đo góc để đo độ lớn của các góc trên.Thực hiện theo yêu cầu cảu GV  - HS dùng thước đo góc để đô độ lớn của góc trong câu a rồi chia sẻ với bạn cách làm.  Các nhóm khác nhận xét, đánh giá. |
| ***Bài 2:***  - GV yêu cầu HS giải thích vì sao em biết đấy là 2 đường thẳng song song; hai đường thẳng vuông góc.  - GV nhận xét, kết luận: Các cặp đường thẳng song song là c, e  Các cặp đường thẳng vuông góc là b, d, g. | **Hoạt động cá nhân**  - HS đọc yêu cầu bài tập 2.  - HS làm bài cá nhân, một vài em trình bày kết quả trước lớp.  - HS giải thích cách nhận biết 2 đường thẳng song song, hai đường thẳng vuông góc. |
| ***Bài 3.***  - GV yêu cầu HS đọc đề bài, sau đó tự vẽ hình.  - GV nhận xét, khen/ động viên. | **Hoạt động nhóm đôi**  - HS thực hành vẽ vào phiếu bài tập.  - HS chia sẻ sản phẩm trước lớp, nêu cách vẽ của mình.  - HS nhận xét. |
| 3. **Hoạt động vận dụng, trải nghiệm.**  - Yêu cầu HS nêu ví dụ cụ thể trong thực tế, giải quyết một số vấn đề thực tế liên quan đến các cặp đường thẳng vuông góc với nhau.  **4. Đánh giá, tổng kết và định hướng hoạt động học tập tiếp theo**  - Qua bài học, em đã ôn tập được kiến thức gì?  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học.  - Nhận xét tiết học.  - Dặn HS chuẩn bị bài 23: *Luyện tập chung (T 2)* | - Nhiều HS nêu  - Nhận biết các góc (nhọn, bẹt, tù  - Biết vẽ được hai đường thẳng song song; hai đường thẳng vuông góc.  Biết một số ứng dụng về hình học trong đời sống. |

**Điều chỉnh - Bổ sung**

………………………………………………………………………………………………

………………………………..…………………………………………………………….

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tiết 4: KHOA HỌC

## Bài 7: Sự truyền ánh sáng (T1)

*(Tiết dạy trải nghiệm trên lớp)*

**I. Yêu cầu cần đạt**

**1. Kiến thức**:

Sau bài học này, HS sẽ:

-Nêu được ví dụ về các vật phát sáng và các vật được chiếu sáng.

- Nêu được cách làm và thực hiện được thí nghiệm tìm hiểu về sự truyền thẳng của ánh sáng; vật cho ánh sáng truyền qua và vật cản ánh sáng; bóng của vật.

- Vận dụng được kiến thức về tính chất cho ánh sáng truyền qua hay không cho ánh sáng truyền qua của các vật, bóng của vật để giải thích được một số hiện tượng tự nhiên và ứng dụng thực tế.

**2. Năng lực**:

***Năng lực chung:***

*-Năng lực tự chủ, tự học:* Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học, biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

*- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Tham gia tích cực vào các trò chơi, hoạt động khám phá kiến thức.

*- Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

***Năng lực riêng:***

-Nêu được ví dụ về các vật phát sáng và các vật được chiếu sáng.

- Nêu được cách làm và thực hiện được thí nghiệm tìm hiểu về sự truyền thẳng của ánh sáng, về vật cho ánh sáng truyền qua và vật cản ánh sáng.

- Thực hiện được thí nghiệm để tìm hiểu nguyên nhân có bóng của vật và sự thay đổi của bóng khi vị trí của vật hoặc của nguồn sáng thay đổi.

- Vận dụng được kiến thức về tính chất cho ánh sáng truyền qua hay không cho ánh sáng truyền qua của các vật để giải thích được một số hiện tượng tự nhiên và ứng dụng thực tế.

- Vận dụng được trong thực tế ở mức độ đơn giản kiến thức về bóng của vật.

**3. Phẩm chất**:

*- Phẩm chất nhân ái:* Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

*- Phẩm chất chăm chỉ*: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi, làm tốt các bài tập.

*- Phẩm chất trách nhiệm*: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. Đồ dùng dạy học**

-Các tranh ảnh, video liên quan đến bài học.

- Đồ dùng thí nghiệm theo nhóm.Phiếu học tập :

**III. Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Tiết 1. Vai trò của không khí** | |
| **1. Hoạt động khởi động**  - GV chiếu hình ảnh và dẫn dắt đặt các câu hỏi:  + *Vì sao có bóng cây?*  *+ Cho biết ánh sáng chiếu đến cây từ phía nào? Vì sao e có ý kiến như vậy?*  - GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân, khuyến khích HS chia sẻ suy nghĩ của mình và chưa cần chốt ý kiến đúng.  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài học mới  **2. Hoạt động hình thành kiến thức**  **Hoạt động 1: Tìm hiểu vật phát sáng và vật được chiếu sáng**  - GV tổ chức HS làm việc nhóm đôi.  - GV yêu cầu HS quan sát các hình 2 – 5 trang 30 SGK và trả lời câu hỏi:  *Những vật nào phát sáng? Những vật nào được chiếu sáng?*  - GV gọi 1 – 2 nhóm báo cáo trước lớp, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét, tuyên dương nhóm có kết quả chính xác.  - GV tổ chức HS thảo luận: *“Trong lớp học có những vật nào là vật chiếu sáng và vật nào là vật được chiếu sáng?”*  - GV gọi 2 - 3 HS trả lời, cả lớp nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét, bổ sung.  **Hoạt động 2: Tìm hiểu về đường truyền ánh sáng**  - GV tổ chức HS làm việc nhóm 4 HS.  - GV yêu cầu HS thực hiện thí nghiệm theo hướng dẫn và trả lời các yêu cầu trang 30 SGK.  *Chuẩn bị: Tấm bia có khe hẹp, đèn pin.*  *Tiến hành:*  *• Đặt đèn pin và tấm bia có khe hẹp trên bản (hình 6). Hãy dự đoán về đường truyền của ánh sáng phía sau khe hẹp của tấm bia nếu bật đèn pin.*  *• Làm thí nghiệm để kiểm tra dự đoán của em.*  *• Nhận xét về đường truyền của ánh sáng trong không khí.*  - GV gọi 1 – 2 nhóm báo cáo trước lớp, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét, tuyên dương nhóm có kết quả chính xác. GV kết luận.  **Hoạt động 3: Tìm hiểu về một số vật cho ánh sáng truyền qua và một số vật cản ánh sáng**  - GV tổ chức HS làm việc nhóm 4 HS.  - GV yêu cầu HS thực hiện thí nghiệm theo hướng dẫn trang 31 SGK và ghi kết quả vào phiếu học tập.  *Chuẩn bị: Đèn pin, tấm bia, tấm kính trong, tấm kính mờ,...*  *Tiến hành:*  *• Trao đổi với bạn về cách làm thí nghiệm để biết trong số các vật đã chuẩn bị thì vật nào là vật cho ánh sáng truyền qua và vật nào là vật cản ánh sáng.*  *• Làm thí nghiệm theo cách đã chọn.*  *• Ghi kết quả vào phiếu học tập*  - GV lưu ý HS:  *+ Nên che tối phòng học trong khi tiến hành thí nghiệm.*  *+ Có thể có các cách khác nhau để xác định các vật cho/ không cho ánh sáng truyền qua.*  - GV gọi 1 – 2 nhóm lên bảng trình bày kết quả, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét, tuyên dương nhóm có kết quả chính xác.  - GV tổ chức cho HS thảo luận: *“Nêu các ví dụ, ứng dụng liên quan đến vật cho ánh sáng truyền qua hoặc vật cản ánh sáng.”*  - GV gọi đại diện 1 – 2 nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét.  - GV nhận xét, tuyên dương các nhóm làm tốt.  - GV gọi hai HS đọc nội dung trong kí hiệu con ong trang 31 SGK.  *“Mắt chỉ nhìn thấy vật khi có ánh sáng từ vật truyền tới mắt”.*  - GV nêu một số ví dụ minh chứng: *khi ta nhìn thấy ngọn nến là do ánh sáng từ ngọn nến truyền tới mắt ta; khi ta nhìn thấy quyển sách là do có ánh sáng phản chiếu từ quyển sách truyền tới mắt ta,...*  **3. Vận dụng**  **Hoạt động 4: Vận dụng kiến thức vật cho ánh sáng truyền qua và vật cản ánh sáng vào thực tiễn**  ***Nhiệm vụ 1. Trả lời các câu trắc nghiệm***  - GV tổ chức cho HS bài tập trắc nghiệm:  **Câu 1:** Vật không cho ánh sáng truyền qua là  A. Ly thủy tinh. B. Nước sạch.  C. Không khí. D. Miếng sắt.  **Câu 2:** Đâu là vật phát sáng?  A. Mặt Trời B. Mặt trăng.  C. Cái cây. D. Tất cả các loài động vật.  **Câu 3:**  Mặc dù được chiếu sáng nhưng ta vẫn thấy một số vật màu đen vì  A. Vật phát ra ánh sáng màu đen.  B. Vật phản xạ ánh sáng màu xanh.  C. Vật phản xạ toàn bộ ánh sáng được chiếu vào.  D. Vật hấp thụ toàn bộ ánh sáng chiếu vào.  **Câu 4:** Ta nhìn thấy các vật nhờ  A. Ánh sáng truyền từ không khí đến các vật  B. Ánh sáng phản chiếu từ các vật đến mắt  C. Ánh sáng phản chiếu từ mắt đến các vật  D. Ánh sáng từ nước truyền vào mắt  **Câu 5:** Bộ phận nào của xe ô tô làm bằng vật liệu mà ánh sáng truyền qua được?  A. Cửa kính.B. Bánh xe.  C. Gương chiếu hậu. D. Khung xe.  - GV mời HS trả lời, cả lớp nhận xét.  - GV nhận xét, tuyên dương HS trả lời đúng.  ***Nhiệm vụ 2. Vận dụng kiến thức vật cho ánh sáng truyền qua và vật cản ánh sáng vào thực tiễn***  - GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm đôi thảo luận thực hiện yêu cầu trong logo luyện tập, vận dụng ở trang 31 – 32 SGK.  *1. Kể thêm một số vật cho ánh sáng truyền qua và một số vật cản ánh sáng.*  *2. Quan sát các vật trong mỗi hình dưới đây, nêu tên bộ phận của vật cho ánh sáng truyền qua. Vì sao các bộ phận đó phải làm bằng vật liệu mà ánh sáng truyền qua được?*    *3. Dựa vào các hình dưới đây, cho biết không khí xung quanh ta có cho ánh sáng truyền qua không?*    *4. Vì sao chúng ta có thể nhìn thấy cá bơi trong hồ khi nước trong? Khi cá bơi phía sau tảng đá, chúng ta có nhìn thấy cá nữa không? Vì sao?*    *.*- GV gọi một số HS trình bày kết quả trước lớp. Cả lớp nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét, kết luận.  **4. Đánh giá, tổng kết và định hướng hoạt động học tập tiếp theo**  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học*.*  - Dặn dò HS đọc và chuẩn bị trước tiết sau. | - HS quan sát hình, suy nghĩ trả lời câu hỏi mở đầu.  - HS xung phong trả lời:  *+ Cây có bóng vì có ánh mặt trời chiếu vào cây.*  *+ Ánh sáng chiếu chéo từ phải sang trái theo hướng từ trên xuống do bóng của cây nằm phía bên trái so với cây.*  - HS theo dõi, ghi bài mới.  - HS chia thành các nhóm.  - HS thực hiện theo yêu cầu.  - HS trả lời:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | *Hình* | *Vật sáng* | *Vật được chiếu sáng* | | *2* | *Mặt trời* | *Các vật thể khác trên trên trái đất* | | *3* | *Đuôi con đom đóm* | *Cây cối, lá và không gian xung quanh* | | *4* | *Mặt trăng* | *Không gian xung quang mặt trăng* | | *5* | *Các bóng đèn* | *Vật đựng trong căn phòng* |   - HS lắng nghe, sửa bài.  - HS thực hiện thảo luận theo yêu cầu.  - HS trả lời   |  |  | | --- | --- | | *Vật sáng* | *Vật được chiếu sáng* | | *Bóng đèn* | *Con người, Các vật chứa trong phòng.* | | *…* | *…* |   - HS lắng nghe, sửa bài.  - HS chia thành các nhóm.  - HS thực hiện theo yêu cầu.  - Đại diện các nhóm xung phong trình bày:  *+ Dự đoán về đường truyền của ánh sáng phía sau khe hẹp của tấm bìa nếu bật đèn pin: đường truyền ánh sáng là một đường thẳng.*  *+ Nhận xét về đường truyền của ánh sáng trong không khí là một đường thẳng.*  - HS lắng nghe, sửa bài.  - HS chia thành các nhóm.  - Các nhóm thực hiện theo yêu cầu    - HS chú ý lắng nghe.  - Đại diện các nhóm xung phong trình bày.  *Chiếu đèn pin qua từng vật gồm tấm bìa, tấm kính trong, tám kinh mờ rồi quan sát.*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Vật cho ánh sáng truyền qua | | Vật cản ảnh sáng | | Vật cho hầu hết ánh sáng đi qua | Vật chỉ cho một phần ánh sáng đi qua | | Tấm kính trong | Tấm kính mờ | Tâm bia |   *Nhận xét: Một số vật cho ánh sáng truyền qua và một số vật cản ánh sáng.*  - HS lắng nghe, sửa bài.  - HS lắng nghe, suy nghĩ và thảo luận nhóm.  - HS trả lời:  *+ Vật cho ánh sáng truyền qua: Bình hoa bằng thủy tinh trong suốt, cốc nước làm bằng nhựa trong suốt*  *+Vật cản ánh sáng: Chậu sứ, cặp sách.*  - HS chú ý lắng nghe, sửa bài.  - HS thực hiện đọc và ghi nhớ.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS chú ý lắng nghe.  - HS chọn đáp án:   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | *Câu 1* | *Câu 2* | *Câu 3* | *Câu 4* | *Câu 5* | | *D* | *A* | *D* | *B* | *A* |   - HS thực hiện theo yêu cầu.  - HS xung phong trình bày.  *1. + Vật cho ánh sáng truyền qua: Cốc nước làm bằng thủy tinh trong suốt, cửa sổ làm bằng kính trong suốt*  *+ Vật cản ánh sáng: Khúc gỗ, quyển sách.*  *2. + Tên bộ phận của vật cho ánh sáng truyền qua trong các hình:*  *- (7) Đèn pin: Vỏ thủy tinh bóng đèn pin*  *- (8) Đồng hồ: Mặt kính đồng hồ.*  *- (9) Ô tô: Mặt kính đèn ô tô.*  - HS lắng nghe, sửa bài.  - HS chú ý, thực hiện theo yêu cầu của GV. |

**Điều chỉnh - Bổ sung**

………………………………………………………………………………………………...

………………………………..………………………………………………………………

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Buổi chiều:**

Tiết 1: TOÁN (T)

**Ôn hai đ­ường thẳng song song**

**I. Yêu cầu cần đạt**

**1. Năng lực đặc thù**:

- Nhận biết được hai đường thẳng vuông góc.

- Kiểm tra được hai đường thẳng vuông góc với nhau bằng ê ke.

**2.Năng lực chung**:

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: HS biết trao đổi, thảo luận với giáo viên và bạn bè vể những kiến thức, cách làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.HS có kĩ năng dùng ê ke.

**3. Phẩm chất**:

- Chăm chỉ: Chăm học, ham học, có tinh thần tự học;

- Trung thực: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ học tập.

- Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú, say mê các con số để giải quyết bài toán.

**II. Đồ dùng dạy học**

**1.Giáo viên**: Ê ke, thước kẻ thẳng.

**2.Học sinh**: Ê ke, thước kẻ thẳng.

**III.Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| **1. Hoạt động mở đầu:**  - Hai đ­ường thẳng song song có đặc điểm gì?  - Giới thiệu bài.  **2. Luyện tập**  Bài 1: (cả lớp)  GV vẽ hình lên bảng y/c .  Nêu tên các cặp đ­ường thẳng song song với nhau ở hình vẽ sau:  N Q M  ấ  H K G  -G V nghe, chốt lời giải đúng.  Bài 2:Ghi tên các cặp cạnh song song với nhau trong hình vẽ sau:  M N  Q P  - Giáo viên chốt lại cách nhận biết hai đ­­ường thẳng song song  Bài 3:Có 3 hình vuông, mỗi hình có cạnh 8cm ghộp đ­ược thành HCN(Hình vẽ). Cạnh AD song song với những cạnh nào?  c,Tính chu vi và diện tích hình chữ nhật AMND  **3. Vận dụng:**  - Nhắc lại nội dung bài  **5. Đánh giá, tổng kết và định hướng hoạt động học tập tiếp theo**  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học*.* | * HS trả lời.   - Học sinh trả lời, HS vẽ bảng  - HS nêu yêu cầu của bài. Quan sát hình vẽ nêu tên  Các cặp đ­ường thẳng song song.  VD : NM và HG ; NH và MG  - Học sinh lớp nhận xét - bổ sung HS ghi tên vở, nêu miệng .  - Cặp cạnh song song: MN và QP;...  HS quan sát hình, làm bài .  A B E M  8cm  D C G N  - Về nhà vận dụng cách vẽ hai đường thẳng song song vào thực tế đời sống. |

**Điều chỉnh - Bổ sung**

……………………………………………………………………………………………

………………………………..………………………………………………………….

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tiết 2: TIẾNG VIỆT (T)

**Luyện tập: Nhân hoá**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Năng lực đặc thù**

- HS ôn tập về biện pháp nhân hóa, các cách nhân hóa, tác dụng của nhân hóa trong câu văn, câu thơ.

- HS xác định các hình ảnh nhân hóa, xác định cách nhân hóa. Vận dụng kiến thức để đặt câu hoặc viết đoạn văn có sử dụng nhân hóa. Vận dụng nói, viết câu văn có sử dụng hình ảnh so sánh trong giao tiếp phù hợp.

**2. Năng lực chung**

- Phát triển năng lực ngôn ngữ, năng lực giao tiếp

**3. Phẩm chất**

- Lịch sự khi giao tiếp, sử dụng biện pháp nhân hoá phù hợp với văn cảnh.

- Giáo dục HS tình yêu TV, có ý thức giữ gìn sự trong sáng của TV qua dùng từ, đặt câu.

**II. Đồ dùng dạy học:**Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

**III. Các hoạt động dạy học**

**1: Hoạt động mở đầu**

|  |  |
| --- | --- |
| - Tổ chức cho HS hỏi đáp để ôn tập kiến thức.  - Nhân hoá là gì?  - Nêu các kiểu nhân hoá đã học.  - GV nhận xét, đánh giá.  =>*Chốt tác dụng của nhân hóa và các kiểu nhân hoá đã học.*  *+ Gọi sự vật bằng các từ dùng để gọi người.*  *+ Tả tính nết và hoạt động của sự vật bằng các từ ngữ để tả người.*  *+ Nói chuyện với sự vật thân mật như nói chuyện với người.*  **2. Hoạt động thực hành**  **Bài 1:** Đọc đoạn thơ sau:  **Trận bóng trên không**  Ông trời ngoi lên mặt biển  Tròn như quả bóng em chơi  Bóng được thủ môn sóng sút  Lên sân vận động bầu trời.  Hậu vệ gió thường thận trọng  Ý đồ trong mỗi đường chuyền  Ngay phút đầu đã chủ động  Kèm người thật chặt trên sân.  Mưa là trung phong đội bạn  Đoạt banh dốc xuống ào ào  Sóng truy cản đầy kịch tính  Gió chồm phá bóng lên cao.  + Những sự vật nào trong bài thơ được nhân hoá?  + Những từ ngữ nào cho biết các sự vật đó được nhân hoá? | - HS hỏi đáp trước lớp.  - HS trả lời: Nhân hoá là dùng cách gọi người, từ dùng để tả người, dùng những hoạt động của người để gắn cho sự vật làm cho sự vật có những hoạt động như của con người.  - HS nêu kiểu nhân hoá đã học .  - HS khác nhận xét, bổ sung nếu có.  - HS đọc yêu cầu và bài thơ.  - HS làm việc theo nhóm đôi viết nhanh những từ ngữ ra bảng nhóm.  - Đại diện các nhóm nêu các từ tìm được; nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - HS trả lời.  - HS viết nhanh đáp án vào vở.  \*KKHS nêu nội dung đoạn thơ. |
| - GV hỏi: Những từ ngữ đó thuộc kiểu nhân hóa nào chúng ta đã học?  - GV nhận xét, chốt đáp án đúng:  *ngoi, thủ môn, thận trọng, ý đồ, trung phong, truy cản, …* Tả tính nết và hoạt động của sự vật bằng các từ ngữ để tả người; Gọi sự vật bằng các từ dùng để gọi người. |  |
| **Bài 2:**Với mỗi từ ngữ dưới đây, hãy viết 1 câu có sử dụng biện pháp nhân hoá:  Cái trống trường em  Cây bàng  Cái cặp sách | - Đọc yêu cầu của bài  - Làm bài cá nhân  - Chữa bài, nhận xét |
| **3. Vận dụng.**  **Bài 3:** Hãy sử dụng biện pháp nhân hoá để diễn đạt lại những câu văn sau cho sinh động, gợi cảm.  a) Chiếc cần trục đang bốc dỡ hàng ở bến cảng.  b) Chiếc lá vàng đang rơi từ trên cây xuống.  d) Mấy con chim hót ríu rít trên cây. |  |
| - GV hỏi: Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì?  - Hướng dẫn: Dựa vào những câu văn cho sẵn các em có thể dùng các biện pháp nhân hoá đã học thêm từ vào để câu văn đó cho câu văn đó thêm sinh động, hấp dẫn.  - Gọi HS làm mẫu.  - GV nhận xét, chỉnh sửa.  - Yêu cầu HS làm bài.  - Gọi HS đọc câu văn của mình.  - GV nhận xét những câu văn hay.  *=> Chốt cách vận dụng nhân hóa vào viết câu, đoạn văn cho sinh động. Lưu ý HS lựa chọn từ ngữ nhân hóa phù hợp với sự vật được nhân hóa.*  **4. Đánh giá, tổng kết, định hướng hoạt động học tập tiếp theo**  - Yêu cầu HS nhắc lại các cách nhân hóa.  - Nhận xét giờ học. | - HS trả lời.  - HS nghe.  - HS đặt mẫu.  - Lớp nhận xét.  - HS viết những câu văn vào vở của mình.  - Một số HS đọc câu văn của mình.  - Lớp nhận xét .  - HS nêu |

**Điều chỉnh - Bổ sung**

………………………………………………………………………………………………..

………………………………..………………………………………………………………

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tiết 3: HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

**Sinh hoạt lớp. Điều chỉnh cảm xúc**

**I. Yêu cầu cần đạt**

**1. Kiến thức**

*Sau tuần học này, HS sẽ:*

- Nhận diện được khả năng điều chỉnh cảm xúc và suy nghĩ của bản thân trong một số tình huống đơn giản.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

*-Năng lực giao tiếp, hợp tác:* khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.

*- Năng lực tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.

*- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

***Năng lực riêng:***

-Cùng chơi *Thể hiện cảm xúc.*

- Chia sẻ cảm xúc của em.

**3. Phẩm chất**

*- Tự tin, trách nhiệm:* tự tin thể hiện và điều chỉnh cảm xúc của bản thân,có ý thức tự giác; tinh thần trách nhiệm trong hoạt động nhóm.

**II. Đồ dùng dạy học:**

-Giấy, bút, bút màu,...Thẻ để thể hiện cảm xúc của bản thân trên lớp.

**III.Các hoạt động dạy học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của gv** | **Hoạt động của hs** |
| **Hoạt động 1: Hoạt động tổng kết tuần**  - GV ổn định trật tự lớp học, tổng kết những hoạt động của tuần 7 và nêu những kế hoạch học tập và hoạt động trong tuần 8.  - GV nhận xét về ý thức học tập của một số bạn trong lớp và tiến hành tuyên dương bạn có ý thức tốt, nhắc nhở bạn có ý thức chưa tốt.  **Hoạt động 2: Điều chỉnh cảm xúc**  - GV hướng dẫn HS chia sẻ về sự thay đổi cảm xúc, suy nghĩ trước những tình huống gặp phải và kinh nghiệm điều chỉnh cảm xúc, suy nghĩ của bản thân theo gợi ý:  + Những tình huống đã gặp.  + Cách điều chỉnh suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.  + Kết quả điều chỉnh cảm xúc.  + Những kinh nghiệm điều chỉnh cảm xúc.  - GV tổ chức cho HS chia sẻ trước lớp theo các nội dung trên.  - GV mời 1 số HS nêu cảm nghĩ khi nghe những chia sẻ của các bạn và những điều mình học hỏi được.  - GV kết luận: ***Chúng ta đã thực hiện xong hoạt động điều chỉnh cảm xúc. Thông qua hoạt động, các em đã học được cách điều chỉnh cảm xúc, suy nghĩ của bản thân trong một số trường hợp hàng ngày.***  **Hoạt động 3: Hoạt động tiếp nối**  - GV khuyến khích HS điều chỉnh cảm xúc của bản thân trong cuộc sống hàng ngày. | - HS chú ý lắng nghe  - HS lắng nghe và vỗ tay tuyên dương những bạn có ý thức tốt, động viên những bạn còn kém.  - HS hoạt động theo hướng dẫn của GV.  - HS chia sẻ trước lớp.  - HS nêu cảm nghĩ khi nghe những chia sẻ của các bạn và những điều mình học hỏi được.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, thực hiện. |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

|  |  |
| --- | --- |
| Tổ CM kiểm tra  Phùng Thị Tuyên | *Cẩm Văn*, ngày 18 tháng 10 năm 2024  BGH duyệt  Đặng Tiến Đà |